**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU**

**A. ÔN KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**I. Tiếng Việt**

**1. Văn bản**

Văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, được tạo lập bởi sự liên kết các câu, các đoạn văn… tạo thành một đơn vị hoàn chỉnh về nội dung và hình thức và hướng tới một mục đích giao tiếp nhất định.

**2. Đoạn văn**

**- Khái niệm:** Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. Nội dung đoạn văn thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.

**- Nội dung và hình thức đoạn văn**

+ Nội dung: Một văn bản gồm có nhiều đoạn văn hợp thành. Vậy, đoạn văn là một phần của văn bản. Đoạn văn có thể một câu văn hoặc do một số câu tạo thành. Đoạn văn biểu đạt một ý tương đối trọn vẹn của văn bản.

+ Hình thức: Chữ đầu đoạn văn phải viết hoa, lùi vào khoảng một ô (1cm) tính từ lề. Kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm xuống dòng.

* **Cách triển khai**

**Diễn dịch**: Diễn dịch là cách thức trình bày ý đi từ ý chung, khái quát đến các ý cụ thể, chi tiết. Đoạn diễn dịch là câu chốt (câu chủ đề) đứng đầu đoạn, các câu đi kèm sau nhằm minh họa cho câu chốt.

**Quy nạp**: Quy nạp là cách trình bày nội dung đi từ các ý chi tiết, cụ thể đến ý chung, khái quát. Trong đoạn quy nạp các câu mang ý chi tiết, cụ thể đứng trước, câu chốt (câu chủ đề) đứng cuối đoạn.

**Song hành**: Đoạn Song hành là đoạn văn được sắp xếp các ý ngang nhau, bổ sung cho nhau, phối hợp nhau để diễn tả ý chung. Đoạn Song hành không có câu chủ đề.

**Tổng - phân - hợp**: Tổng - phân - hợp là đoạn văn mà câu đầu nêu ý khái quát. Các câu tiếp theo triển khai ý cụ thể, chi tiết. Câu cuối đoạn văn tổng hợp lại các ý khái quát.

(Một số cách triển khai đoạn văn khác: móc xích, song hành,...)

**3. Các phép liên kết**

- **Phép thế** là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng. Có 2 loại phương tiện dùng trong phép thế là thay thế bằng từ ngữ đồng nghĩa và thế bằng đại từ.

Dùng phép thế không chỉ có tác dụng tránh lặp đơn điệu, mà còn có tác dụng tu từ nếu chọn được những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp dùng.

- **Phép lặp** là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau.

Phép lặp, ngoài khả năng kết nối các bộ phận hữu quan của văn bản lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng...

Các phương tiện dùng trong phép lặp là:

+ Các yếu tố ngữ âm (vần, nhịp), gọi là lặp ngữ âm.

+ Các từ ngữ, gọi là lặp từ ngữ.

+ Các cấu tạo cú pháp, gọi là lặp cú pháp.

- **Phép nối:** là cách dùng những từ ngữ sẵn mang ý nghĩa chỉ quan hệ (kể cả những từ ngữ chỉ quan hệ cú pháp bên trong câu), và chỉ các quan hệ cú pháp khác trong câu, vào mục đích liên kết các phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau.

- **Phép liên tưởng:** là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản.

Phép liên tưởng khác phép thế ở chỗ trong phép thế thì dùng những từ khác nhau để chỉ cùng một sự vật; trong phép liên tưởng, đó là những từ ngữ chỉ những sự vật khác nhau có liên quan đến nhau theo lối từ cái này mà nghĩ đến cái kia (liên tưởng).

Sự liên tưởng có thể diễn ra giữa những sự vật cùng chất cũng như giữa những sự vật khác chất.

- **Phép** **tương phản:** sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau. Những phương tiện liên kết thường gặp dùng trong phép tương phản là:

+ Từ trái nghĩa.

+ Từ ngữ phủ định (đi với từ ngữ không bị phủ định).

+ Từ ngữ miêu tả (có hình ảnh và ý nghĩa nghịch đối).

+ Từ ngữ dùng ước lệ.

- **Phép tỉnh lược** là cách rút bỏ những từ ngữ có ý nghĩa xác định ở những chỗ có thể rút bỏ và muốn hiểu được thì phải tìm những từ ngữ có ý nghĩa xác định ấy ở những câu khác.

**4. Phong cách chức năng**

**- *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:***

+ Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm… đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.

+ Đặc trưng:

* *Tính cụ thể:* Cụ thể về không gian, thời gian, hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, nộii dung và cách thức giao tiếp…
* *Tính cảm xúc*: Cảm xúc của người nói thể hiện qua giọng điệu, các trợ từ, thán từ, sử dụng kiểu câu linh hoạt,..
* *Tính cá thể:* là những nét riêng về giọng nói, cách nói năng => Qua đó ta có thể thấy được đặc điểm của người nói về giới tính, tuổi tác, tính cách, sở thích, nghề nghiệp,…

+ Trong đề đọc hiểu, nếu đề bài trích đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí… thì đều thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt .

***- Phong cách ngôn ngữ khoa học:***

+ Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học; là phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu.

+ Đặc trưng:

* *Tính khái quát, trừu tượng :* Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học; Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)
* *Tính lí trí, logic:* Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ;  Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.; Kết cấu văn bản: câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.
* *Tính khách quan, phi cá thể:*câu văn trong văn bản khoa học có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc;Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

+ Nhận biết : dựa vào những đặc điểm về nội dung, từ ngữ, câu văn, cách trình bày,…  
  
 ***- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:***

+ Là loại phong cách ngôn ngữ được dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực văn chương (Văn xuôi nghệ thuật, thơ, kịch).

+ Đặc trưng:

* *Tính hình tượng:* Xây dựng hình tượng chủ yếu bằng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ, điệp…
* *Tính truyền cảm:* ngôn ngữ của người nói, người viết có khả năng gây cảm xúc, ấn tượng mạnh với người nghe, người đọc.
* *Tính cá thể:* Là dấu ấn riêng của mỗi người, lặp đi lặp lại nhiều lần qua trang viết, tạo thành phong cách nghệ thuật riêng. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ còn thể hiện trong lời nói của nhân vật trong tác.

+ Trong đề đọc hiểu, nếu thấy trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tuỳ bút, ca dao,… và các tác phẩm văn học nói chung **thì đều thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật**.

***- Phong cách ngôn ngữ chính luận:***

+ Là phong cách ngôn ngữ được dùng trong những văn bản trực tiếp bày tỏ tư tưởng, lập trường, thái độ với những vấn đề thiết thực, nóng bỏng của đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, xã hội.

 Mục đích: Tuyên truyền, cổ động, giáo dục, thuyết phục người đọc, người nghe để có nhận thức và hành động đúng.

+ Đặc trưng:

* *Tính công khai về quan điểm chính trị:* Văn bản chính luận phải thể hiện rõ quan điểm của người nói/ viết về những vấn đề thời sự trong cuộc sống, không che giấu, úp mở. Vì vậy, từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, tránh dùng từ ngữ mơ hồ; câu văn mạch lạc, tránh viết câu phức tạp, nhiều ý gây những cách hiểu sai.
* *Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:* Văn bản chính luận có hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, mạch lạc và sử dụng từ ngữ liên kết rất chặt chẽ: *vì thế, bởi vây, do đó, tuy… nhưng…, để, mà,….*
* *Tính truyền cảm, thuyết phục:* Thể hiện ở lí lẽ đưa ra, giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

+ Cách nhận biết ngôn ngữ chính luận trong đề đọc hiểu : Nội dung liên quan đến những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…; có quan điểm của người nói/ người viết; dùng nhiều từ ngữ chính trị; được trích dẫn trong các văn bản chính luận ở SGK hoặc lời lời phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong  hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự, …

***- Phong cách ngôn ngữ hành chính:***

+ Khái niệm: là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính, là giao tiếp giữa nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác.

+ Đặc trưng:

* *Tính khuôn mẫu:*mỗi văn bản hành chính đều tuân thủ 1 khuôn mẫu nhất định.
* *Tính minh xác:* Không dùng phép tu từ, lối biểu đạt hàm ý hoặc mơ hồ về nghĩa. Không tùy tiện xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa nội dung. Đảm bảo chính xác từng dấu câu, chữ kí, thời gian. Gồm nhiều chương, mục để tiện theo dõi.
* *Tính công vụ:* Không dùng từ ngữ biểu hiện quan hệ, tình cảm cá nhân [nếu có cũng chỉ mang tính ước lệ: kính mong, kính gửi, trân trọng cảm ơn,…]. Dùng lớp từ toàn dân, không dùng từ địa phương, khẩu ngữ,…

- ***Phong cách ngôn ngữ báo chí:***

+ Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

+ Đặc trưng

* *Tính thông tin thời sự:* Thông tin nóng hổi, chính xác về địa điểm, thời gian, nhân vật, sự kiện,…
* *Tính ngắn gọn:* Lời văn ngắn gọn nhưng lượng thông tin cao [ bản tin, tin vắn, quảng cáo,…]. Phóng sự thường dài hơn nhưng cũng không quá 3 trang báo và thường có tóm tắt, in đậm đầu bài báo để dẫn dắt.
* *Tính sinh động, hấp dẫn:* Các dùng từ, đặt câu, đặt tiêu đề phải kích thích sự tò mò của người đọc.

+ Nhận biết: Văn bản báo chí rất dễ nhận biết khi đề bài trích dẫn một bản tin trên báo, và ghi rõ nguồn bài viết (ở báo nào? ngày nào?); Nhận biết bản tin và phóng sự: có thời gian, sự kiện, nhân vật, những thông tin trong văn bản có tính thời sự.

**5. Biện pháp tu từ**

***- So sánh***: Là cách công khai đối chiếu hai hay nhiều đối tượng có một nét tương đồng nào đó về hình thức bên ngoài hay tính chất bên trong để gợi ra hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mĩ trong nhận thức của người đọc, người nghe.

Ví dụ:

*Công cha như núi thái sơn*  
*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*  
 (Ca dao)  
 **- Ẩn dụ:** Là cách lâm thời lấy tên gọi biểu thị đối tượng này để chỉ đối tượng kia

dựa vào nét tương đồng giữa hai đối tượng.

Ví dụ:

*Tưởng nước giếng sâu nối sợi dây dài*

*Ai ngờ giếng cạn tiếc hoài sợi dây.*

(Ca dao)

- **Nhân hoá :** Là một biến thể của ẩn dụ tu từ, trong đó người ta lấy những từ ngữ biểu thị những thuộc tính, hoạt động của người dùng để biểu thị hoạt động của đối tượng khác loại dựa trên nét tương đồng về thuộc tính, về hoạt động giữa người và đối tượng không phải là người.

Ví dụ:

*Những chị lúa phất phơ bím tóc*  
*Những cây tre bá vai nhau thì thầm đứng học*  
*Ðàn cò trắng*  
*Khiêng nắng qua sông.*  
 (Trần Ðăng Khoa)

- **Hoán dụ**: Là phương thức chuyển nghĩa bằng cách dùng một đặc điểm hay một nét tiêu biểu nào đó của một đối tượng để gọi tên chính đối tượng đó dựa vào mối quan hệ liên tưởng logic khách quan giữa hai đối tượng.

Ví dụ:

*Áo chàm đưa buổi phân ly  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.* (*Việt Bắc* - Tố Hữu)

**- Nói quá** : Là biện pháp tu từ dùng sự cường điệu quy mô, tính chất, mức độ... của đối tượng được miêu tả so với cách biểu hiện bình thường nhằm mục đích nhấn mạnh vào một bản chất nào đó của đối tượng được miêu tả.

Ví dụ:

*Nhác trông thấy bóng anh đây*  
 *Ăn chín lạng hạt ớt thấy ngọt ngay như đường.*  
 (Ca dao)

- **Nói giảm- nói tránh**: Là biện pháp tu từ dùng hình thức biểu đạt giảm bớt mức độ hơn, nhẹ nhàng hơn, mềm mại hơn để thay thế cho sự biểu đạt bình thường cần phải lảng tránh do những nguyên nhân của tình cảm. Nói giảm không có phương tiện riêng mà thường được thực hiện thông qua các hình thức ẩn dụ hay hoán dụ tu từ. Biện pháp tu từ này thường được dùng để nói về cái chết.

Ví dụ:

*Áo bào thay chiếu anh về đất*   
 (*Tây Tiến* - Quang Dũng)

- **Điệp từ- điệp ngữ** Là biện pháp lặp đi lặp lại những từ ngữ nào đó nhằm mục đích mở rộng, nhấn mạnh ý nghĩa hoặc gợi ra những cảm xúc trong lòng người đọc.

Ví dụ:

*Cũng cờ, cũng biển cũng cân đai*  
*Cũng gọi ông nghè có kém ai.*  
 (Nguyễn Khuyến)

- **Tương phản**: Phép nghịch đối sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau.

**- Phép liệt kê:** Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế, hay của tư tưởng, tình cảm.

- **Câu hỏi tu từ:** Là loại câu hỏi đặc biệt không nhằm mục đích lấy thông tin mà nhằm thể hiện 1 tâm trạng, 1 cảm xúc.Trong câu hỏi tu từ thường bao hàm câu trả lời.

VD: *Tây Bắc ư? có riêng gì Tây Bắc*

**6. Kiểu câu**

- Các loại câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp: câu đơn, câu ghép, câu rút gọn….

- Các loại câu phân loại theo mục đích nói (trực tiếp, gián tiếp): câu nghi vấn, câu tường thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán.

**7. Dấu câu**

Dấu câu là một trong những phương tiện quan trọng giúp người viết thể hiện điều muốn trình bày một cách mạch lạc, chính xác nhất. Không chỉ sử dụng đúng dấu câu, cần vận dụng sáng tạo đa dạng, độc đáo để biểu đạt cảm xúc, đem lại giá trị mới mẻ cho mỗi loại dấu câu.

Trên thực tế, dấu câu được sử dụng khá linh hoạt, có thể sử dụng các dấu câu theo lối thông thường hoặc tạo ra các kết hợp giữa một số dấu câu tạo thành những dạng đặc biệt như: ...!!!     ...???    Trong trường hợp này, dấu câu không chỉ là hình thức ngắt đoạn mà còn là hình thức biểu thị những trạng thái tình cảm khác nhau để chê bai, nghi ngờ một cách hay hơn, tinh tế hơn.

Ví dụ: Dấu chấm lửng: thể hiện sự trăn trở, hoài nghi…; dấu chấm than: thể hiện cảm xúc 1 cách trực tiếp (mừng, giận, vui , buồn..); dấu ba chấm: thể hiện cảm xúc sâu lắng miên man, những điều khó nói.

**8. Từ loại**

Trong [ngữ pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%AF_ph%C3%A1p), **từ loại** (còn được gọi là **lớp từ**, **lớp từ vựng**, hoặc **bộ phận câu nói** trong ngữ pháp truyền thống) là một lớp từ ngôn ngữ học (hay chính xác hơn là *lớp các mục từ vựng*) được xác định bằng các hành vi cú pháp hoặc các hành vi [hình thái học](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%ACnh_th%C3%A1i_h%E1%BB%8Dc) của mục từ vựng trong câu hỏi. Phân loại ngôn ngữ học phổ biến gồm có [*danh từ*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_t%E1%BB%AB) và [*động từ*](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99ng_t%E1%BB%AB) và các loại từ khác. Có các [lớp từ mở](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%E1%BB%9Bp_t%E1%BB%AB_m%E1%BB%9F&action=edit&redlink=1) thường xuyên đòi hỏi các thành viên mới, và có các [lớp từ đóng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%E1%BB%9Bp_t%E1%BB%AB_%C4%91%C3%B3ng&action=edit&redlink=1) hiếm khi đòi hỏi các thành viên mới.

- Thực từ: Danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ.

- Hư từ; Phụ từ, quan hệ từ, tình thái từ.

**9. Phát hiện lỗi sai, chữa lỗi.**

***Lỗi về câu***

- Các lỗi sai thường gặp: lỗi về cấu tạo câu, lỗi dấu câu, lỗi liên kết câu.

- Cách xác định lỗi:

+ Nắm chắc kiến thức về cấu tạo câu, dấu câu, các phép liên kết, đặc trưng về câu trong các phong cách ngôn ngữ.

+ Đọc kĩ văn bản, xác định nội dung, thể loại, phong cách văn bản.

+ Phân tích cấu tạo câu (các thành phần câu, dấu câu, các phép liên kết) để chỉ ra lỗi sai.

***Lỗi về từ***

- Các lỗi thường gặp: lặp từ, từ không đúng nghĩa, từ không phù hợp phong cách.

- Cách xác định lỗi:

+ Nắm chắc kiến thức về từ loại tiếng Việt, hiểu ý nghĩa của từ, đặc trưng về từ ngữ trong các phong cách ngôn ngữ.

+ Đọc kĩ văn bản, xác định nội dung, phong cách của văn bản

+ Chỉ ra những từ dùng sai (lặp từ, từ dùng không đúng nghĩa, từ không đúng phong cách).

***Lỗi chính tả***

***Lỗi dấu câu***

- Lỗi thường gặp: dấu chấm, dấu phẩy, dấu ở cuối câu (câu hỏi, câu cảm thán, câu lửng…) dùng không đúng.

- Cách xác định lỗi:

+ Nắm chắc cấu tạo câu, các kiểu câu (phân loại theo cấu trúc ngữ pháp, theo mụ đích nói).

+ Hiểu cách dùng các loại dấu câu

+ Phân tích cấu trúc câu, kiểu câu để chỉ ra lỗi sai về dấu.

**II. LÀM VĂN**

**1. Thao tác lập luận:** Giải thích*,* phân tích*,* chứng minh, so sánh*,* bác bỏ*,* bình luận*.*

**2. Phương thức biểu đạt.**

**- Tự sự** (kể chuyện, tường thuật):Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa.

**- Miêu tả:** Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người (Đặc biệt là thế giới nội tâm) như đang hiện ra trước mắt qua ngôn ngữ miêu tả.

**- Biểu cảm**: Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

**- Nghị luận**: Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.

**- Thuyết minh**: Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc , người nghe.

**- Hành chính – công vụ:** Văn bản thuộc phong cách hành chính công vụ là văn bản điều hành xã hội, có chức năng xã hội. Xã hội được điều hành bằng luật pháp, văn bản hành chính. Văn bản này qui định, ràng buộc mối quan hệ giữa các tổ chức nhà nước với nhau, giữa các cá nhân với nhau trong khuôn khổ hiến pháp và các bộ luật văn bản pháp lý dưới luật từ trung ương tới địa phương.

**3. Phương thức trần thuật:**

- Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện , xưng tôi (Lời trực tiếp)

-Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình.

- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình, nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm (Lời nửa trực tiếp)

**B. RÈN KĨ NĂNG ĐỌC – HIỂU**

**Đề 1**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:***“...Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình  
                             Phải biết gắn bó và san sẻ  
                            Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở  
                            Làm nên Đất Nước muôn đời…”.*                                         (Trích đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm

                                           SGK Ngữ văn lớp 12 tập 1 trang 120 )  
**Câu 1.** Nêu nội dung của đoạn thơ?  
**Câu 2.** Tại sao từ “Đất Nước”được viết hoa?   
**Câu 3.** Nêu biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.  
**Câu 4.** Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về trách nhiệm của mình với quê hương, đất nước trong xã hội ngày nay?

**ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**. Nội dung của đoạn thơ: Lời nhắn nhủ về trách nhiệm của mỗi người với Đất Nước.

**Câu 2.** Từ “Đất Nước” được viết hoa - coi “Đất Nước” là một sinh thể, thể hiện sự tôn trọng, ngợi ca, thành kính, thiêng liêng khi cảm nhận về Đất Nước của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.

**Câu 3**. Điệp ngữ “phải biết”, so sánh “Đất Nước là máu xương của mình”.

**Câu 4**. Cần nêu cảm nhận của riêng mình về trách nhiệm của mình với quê hương, đất nước trong xã hội ngày nay, cần khẳng định trách nhiệm hàng đầu là học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau những lập luận phải chặt chẽ, thuyết phục.

**Đề 2**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. Nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là khi lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn giông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mong manh như thế. Con người cần một đại dương mênh mông bị bão táp làm nổi sóng nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thèm muốn.*

[Theo A.L.Ghec-xen, *3555 câu danh ngôn*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1997]

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2:** Nêu nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 3:** Chỉ ra tác dụng của việc dùng phép so sánh trong văn bản trên.

**Câu 4:** Theo quan điểm riêng của anh/ chị, *cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình* gây ra những tác hại gì? [Trả lời ít nhất 2 tác hại trong khoảng 5-7 dòng]

**Đề 3**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

                        NƠI DỰA

*Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia ?*

*Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…*

*Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.*

*Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.*

***Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.***

*Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?*

*Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.*

*Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh bước từng bước run rẩy.*

*Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.*

***Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.***

(Nguyễn Đình Thi, *Tia nắng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

**Câu 5:** Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên.

**Câu 6:** Hãy chỉ ra nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản trên.

**Câu 7**: Qua văn bản trên, anh/ chị hiểu thế nào là “nơi dựa” của mỗi con người trong cuộc đời?

**Câu 8**: Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

**ĐÁP ÁN:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức nghị luận/ nghị luận.

**Câu 2:** Nội dung chính của văn bản trên: khẳng định cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống sai lầm/bác bỏ một quan niệm sống sai lầm: sống bó hẹp trong ngưỡng cửa nhà mình.

**Câu 3:** Tác giả đã so sánh cuộc sống của mỗi người (*cuộc sống đầy đủ tiện nghi; cuộc sống biệt lập;cuộc sống lúc sóng gió; …*) với một mảnh vườn (*mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng; mảnh vườn có lớp rào bao quanh; mảnh vườn lúc giông tố nổi lên;…)*

Tác dụng: việc sử dụng pháp so sánh khiến đoạn văn trở nên sinh động, truyền cảm, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao chứ không khô khan như khi chỉ sử dụng lí lẽ thuần túy.

**Câu 4:** Nêu ít nhất 02 tác hại của *cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình* theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

**Câu 5:** Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

**Câu 6:**

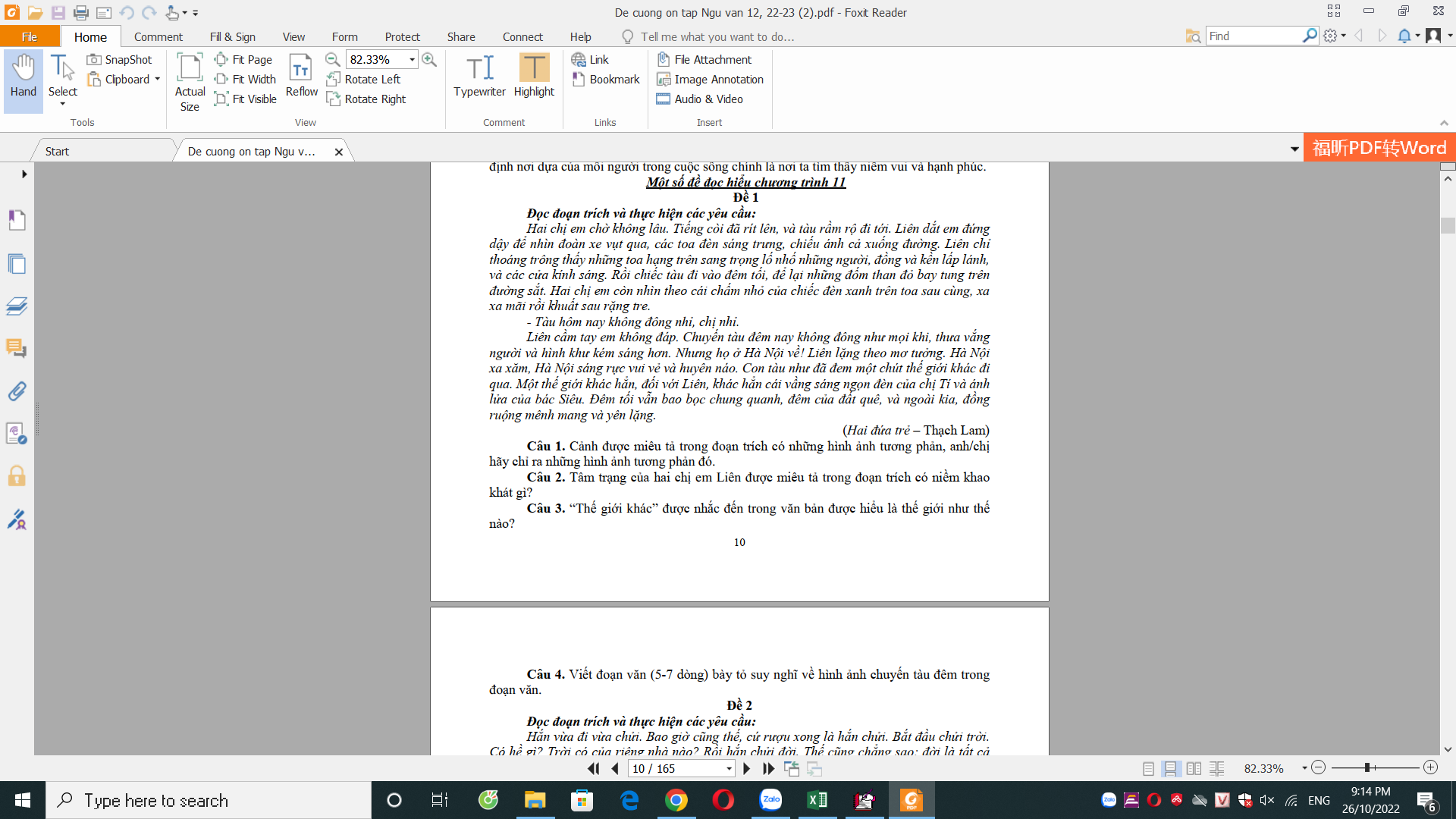
Nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản: Thông thường người yếu đuối tìm nơi dựa ở người vững mạnh. Ở đây ngược lại. Người mẹ trẻ khỏe dựa vào đứa con mới biết đi chập chững. Anh bộ đội dạn dày chiến trận dựa vào cụ già bước từng bước run rẩy trên đường.

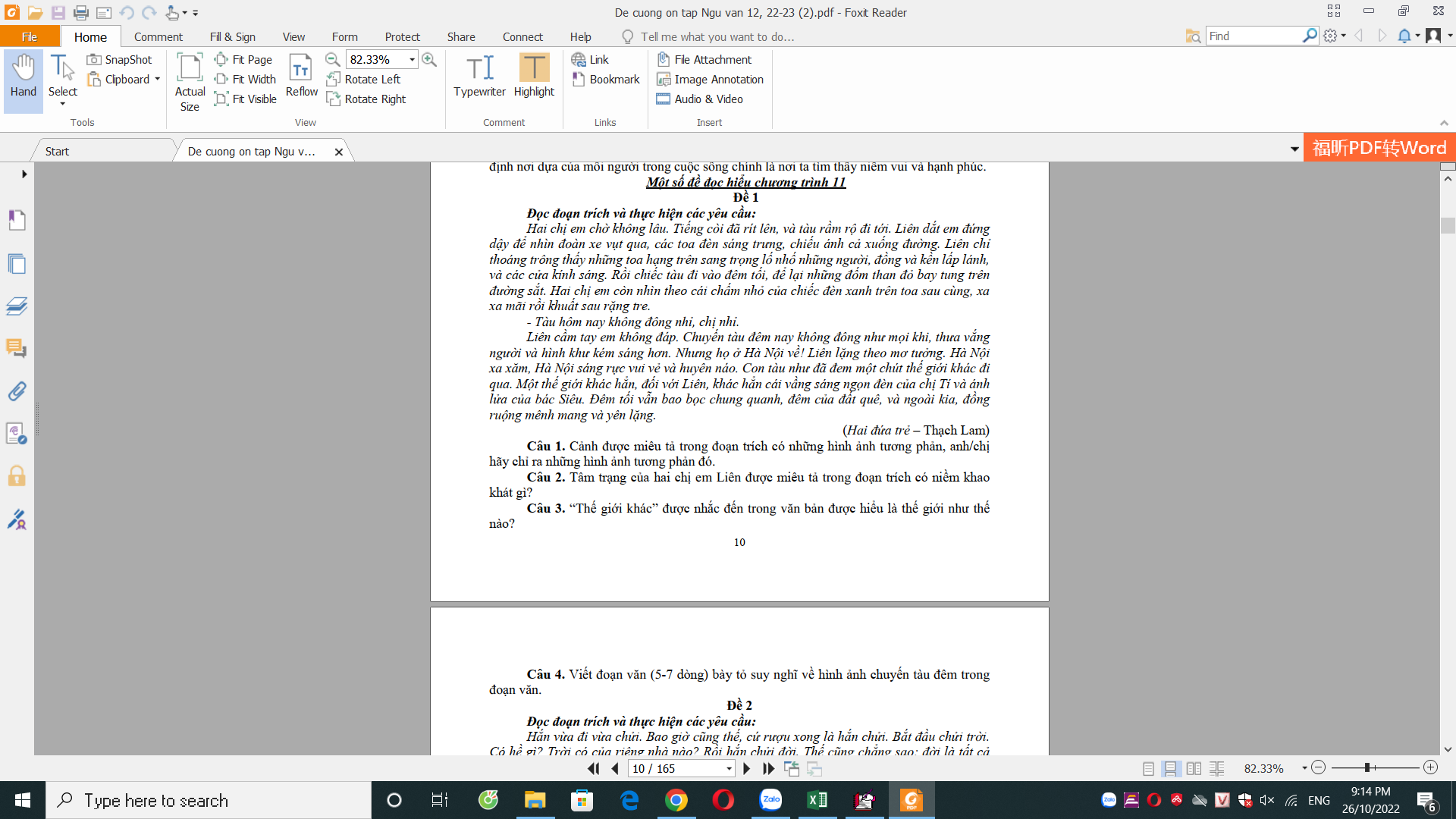
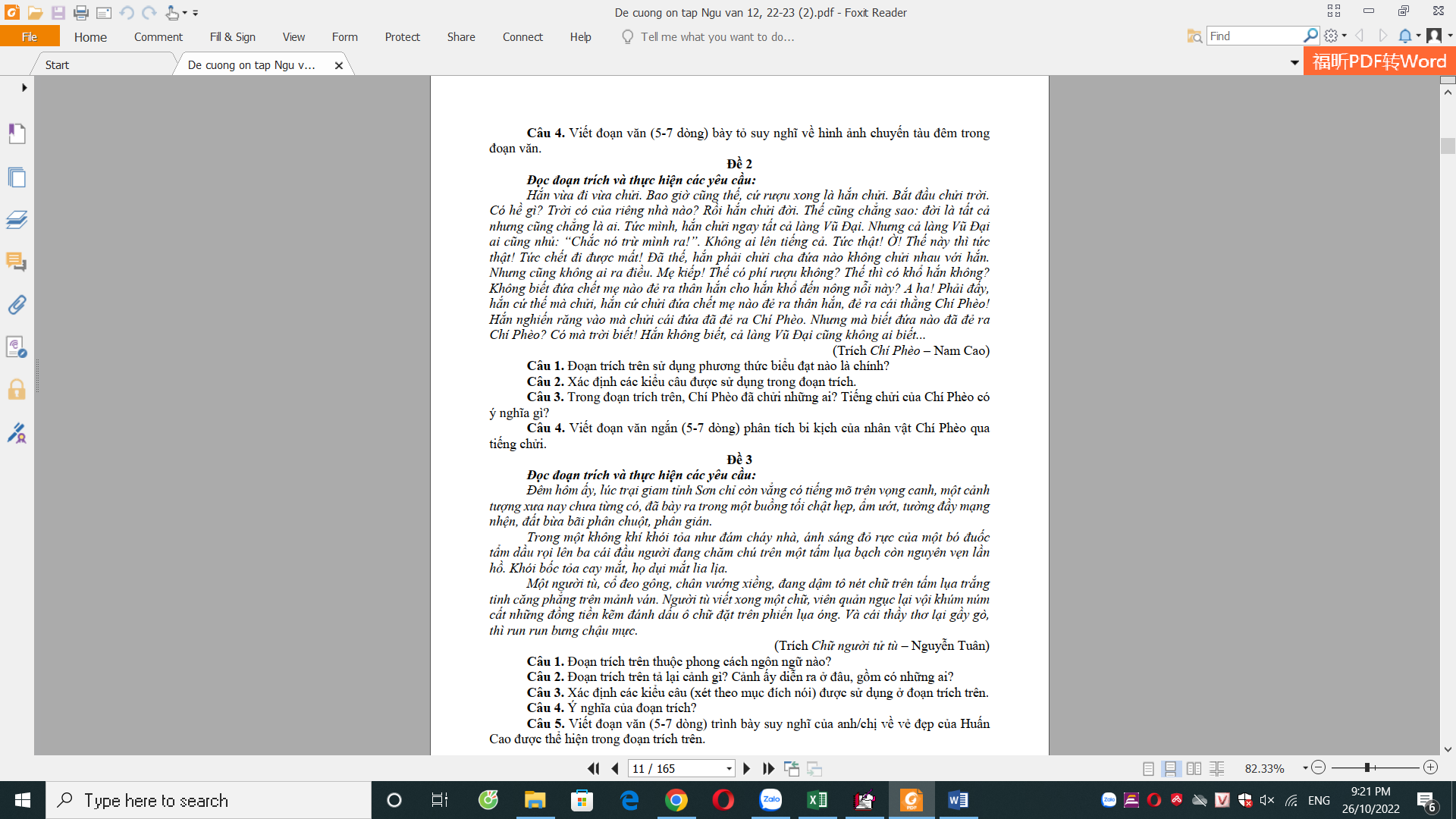
**Câu 7:** Nơi dựa của mỗi người trong cuộc đời mà bài thơ đề cập đến là nơi dựa tinh thần, nơi con người tìm thấy niềm vui, ý nghĩa sống,…

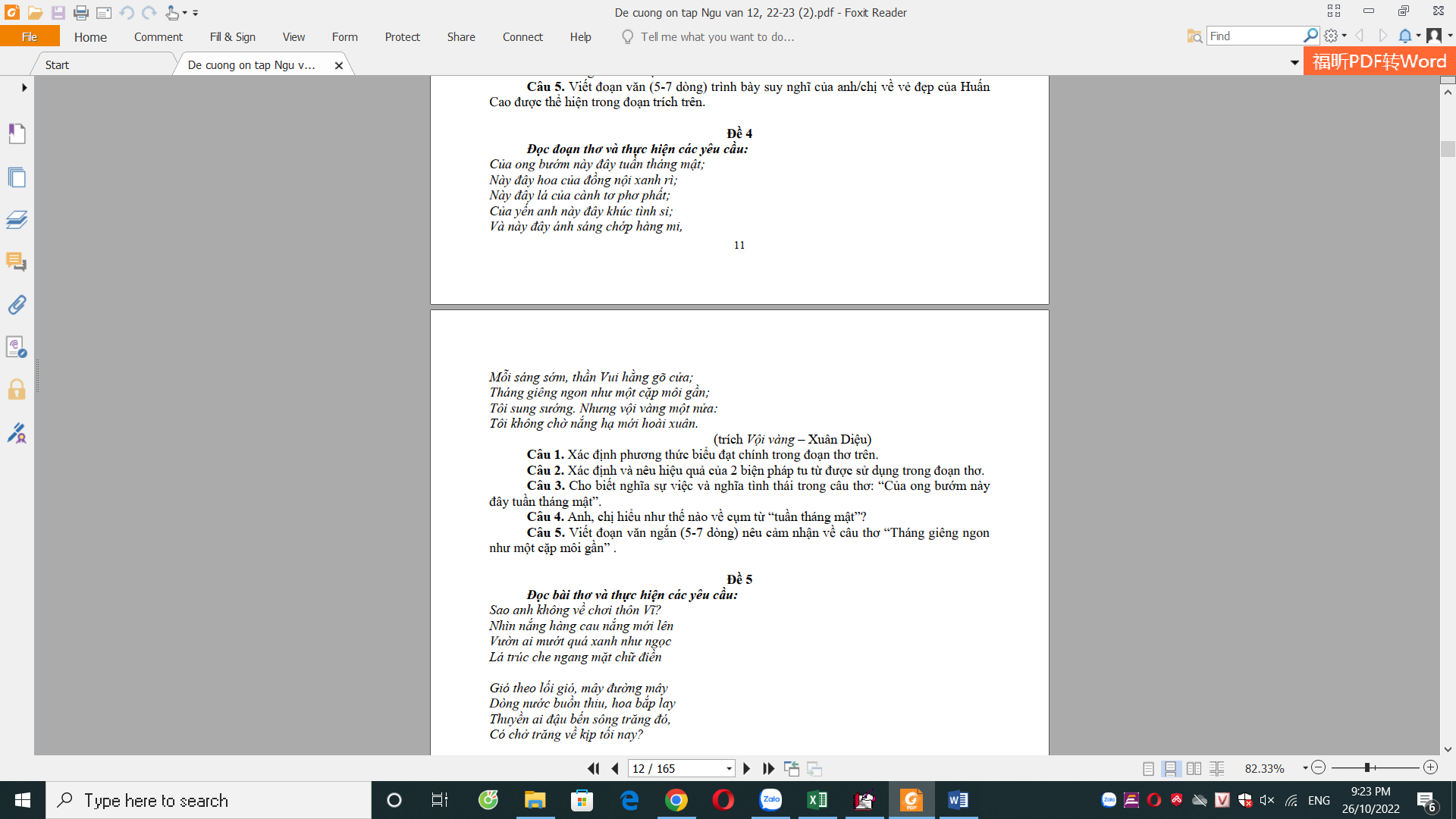
**Câu 8:**

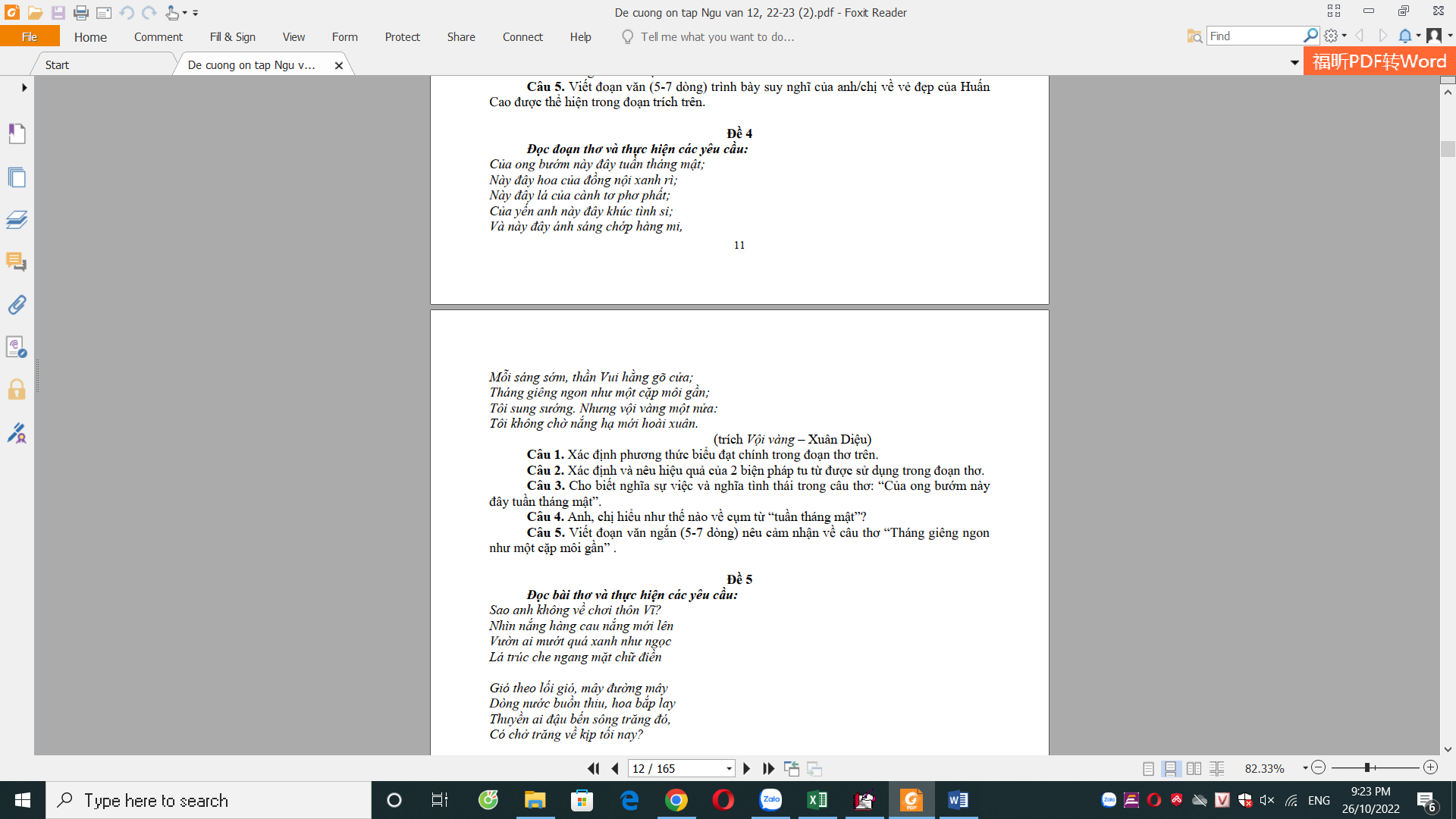
Các dạng của phép điệp trong văn bản: điệp từ (*đứa bé, bà cụ),* điệp ngữ (*ai biết đâu, lại chính là nơi dựa*), điệp cấu trúc (câu mở đầu của 2 đoạn có cấu trúc giống nhau, câu kết của 2 đoạn cũng vậy), điệp kết cấu giữa hai đoạn.

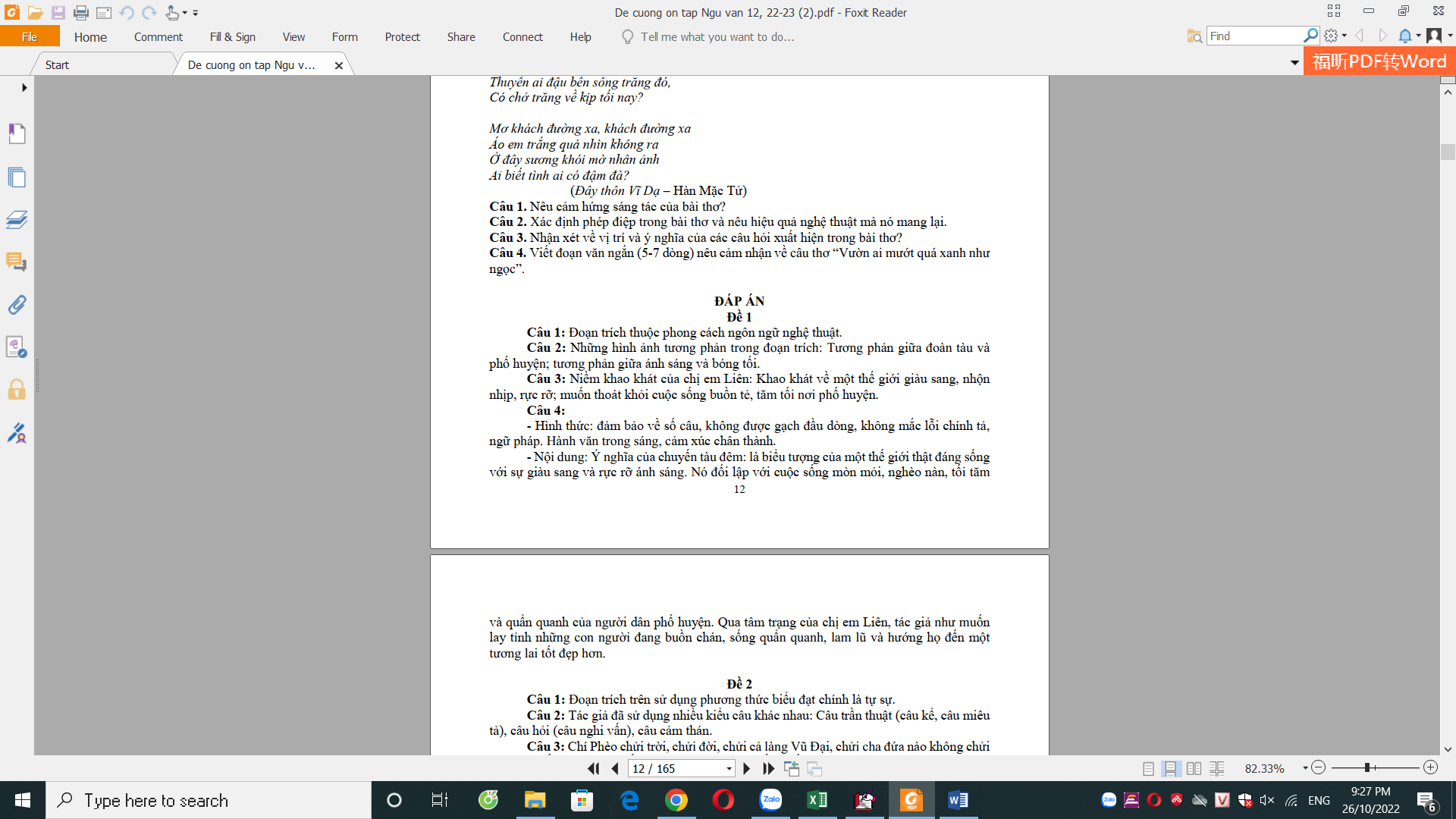
Hiệu quả nghệ thuật: tạo sự cân xứng, nhịp nhàng, hài hòa giữa hai đoạn thơ, góp phần khẳng định nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống chính là nơi ta tìm thấy niềm vui và hạnh phúc.

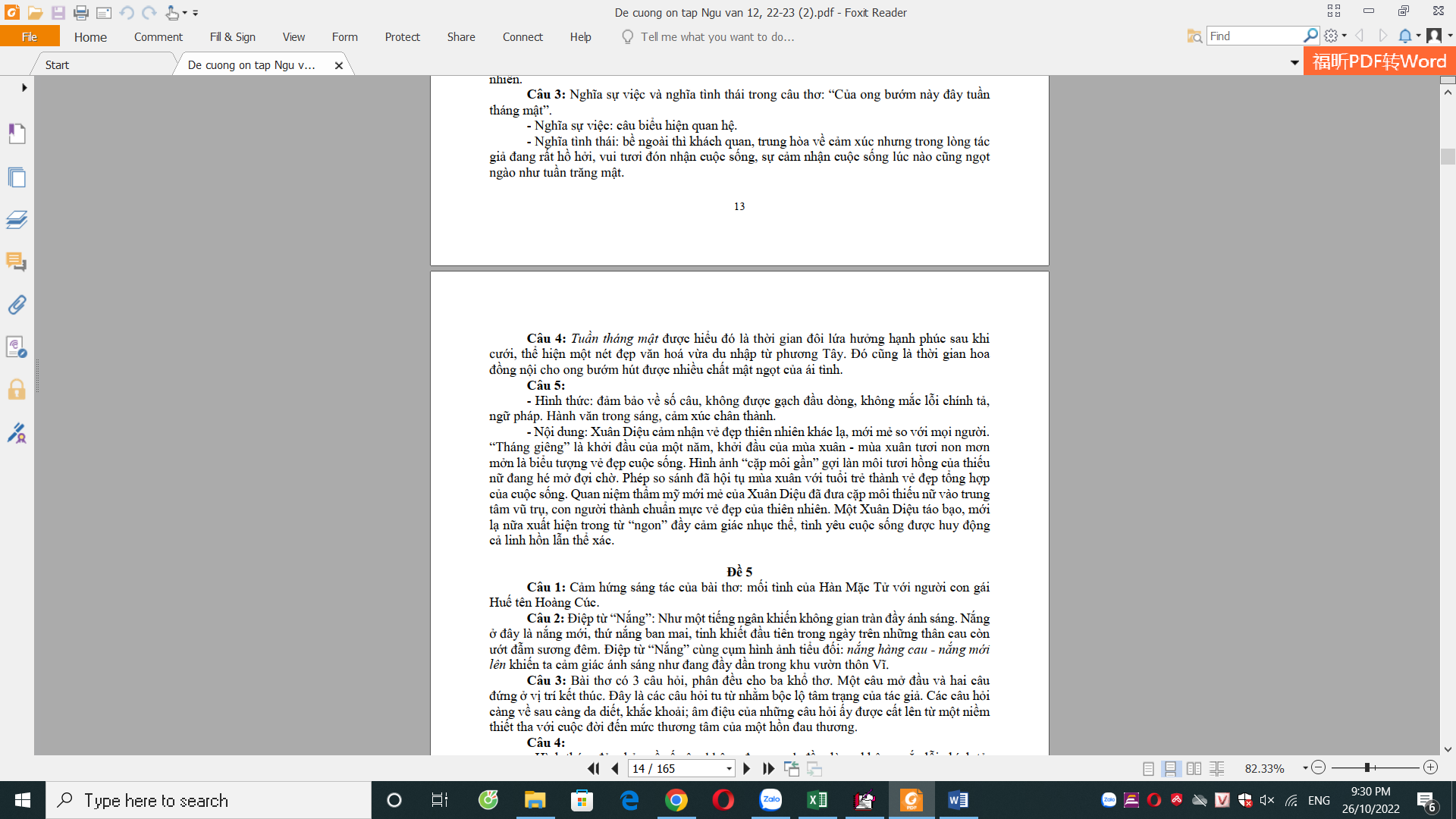
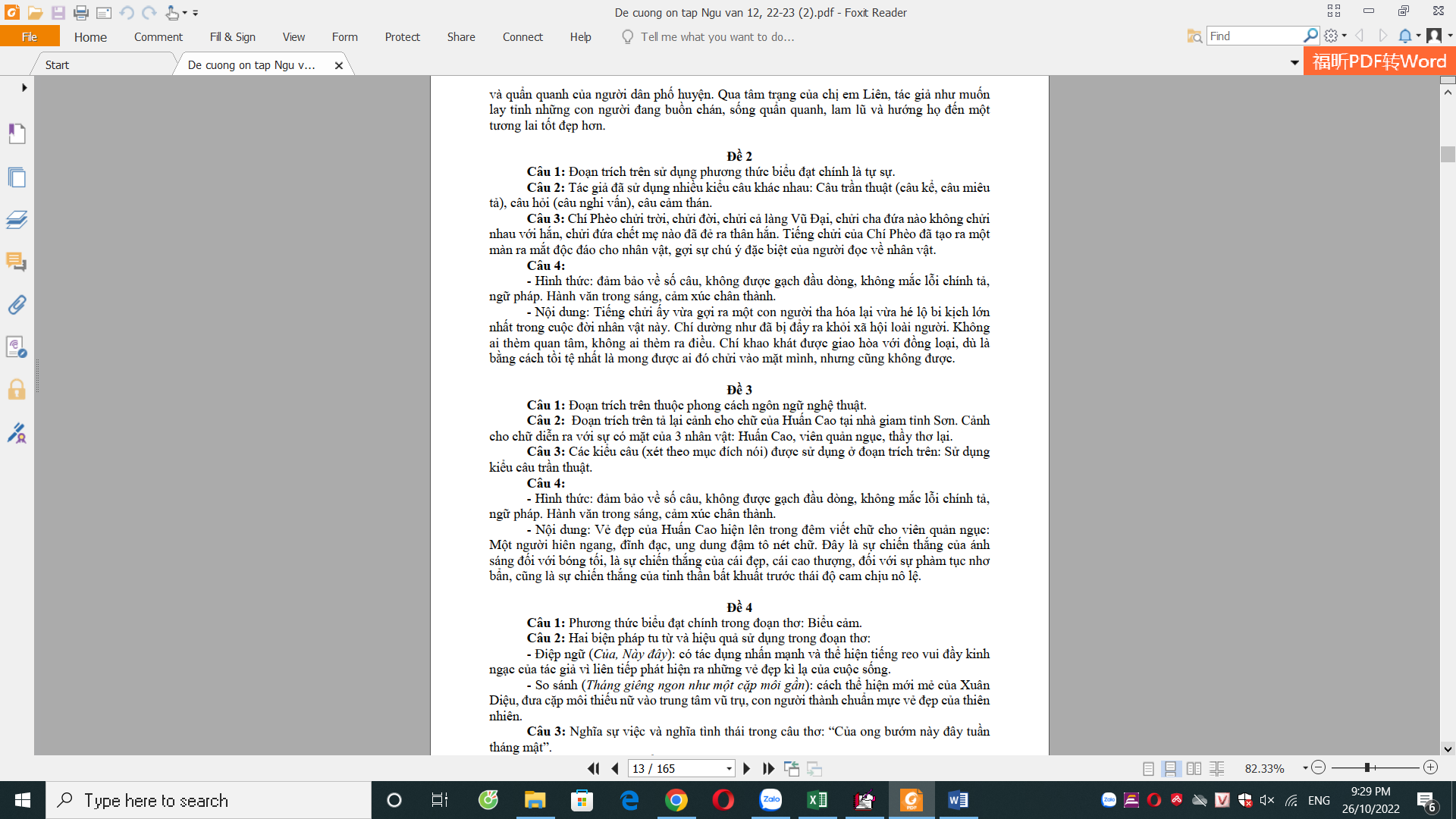


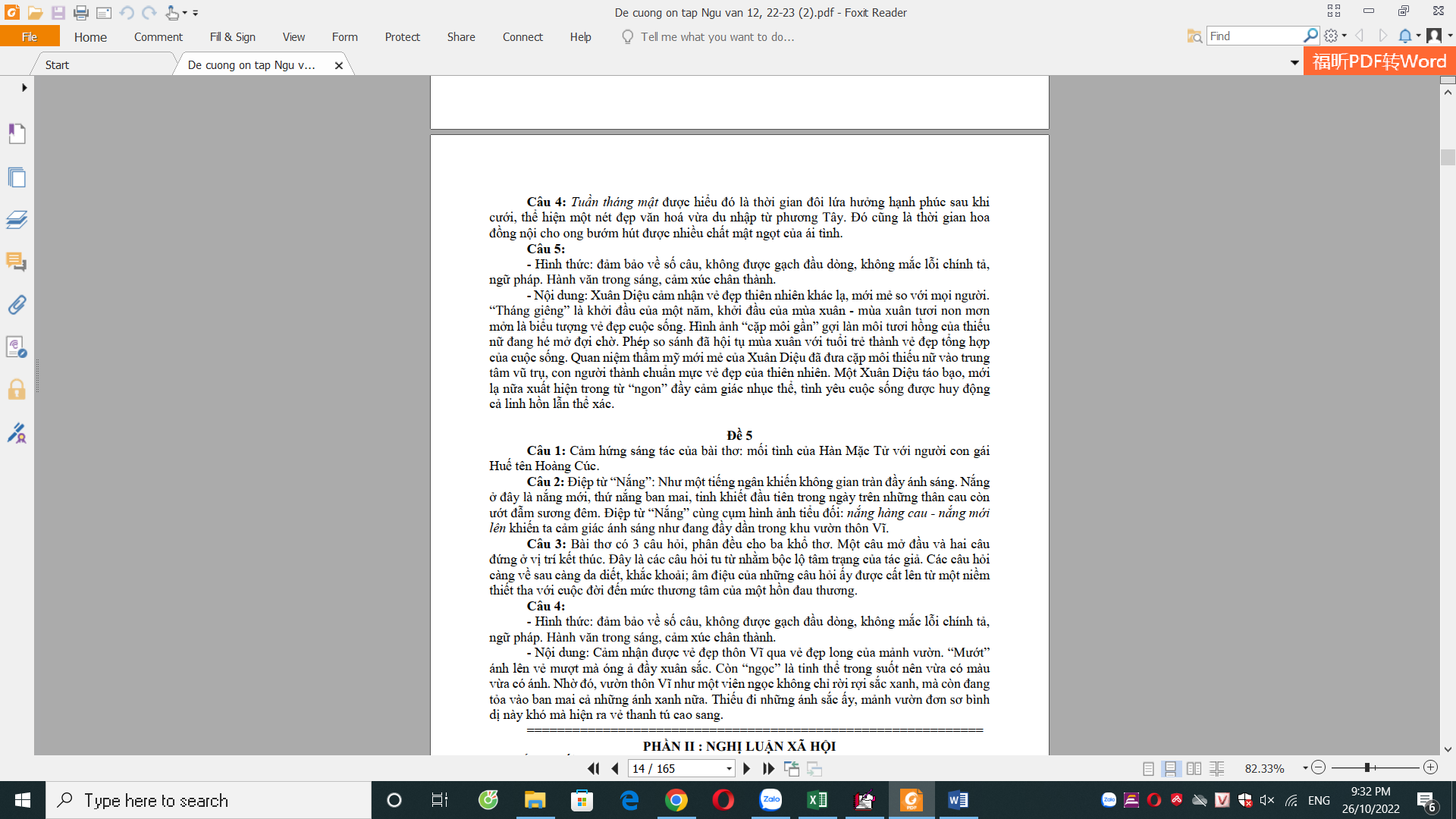
 









============================================================

**PHẦN II : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**A. KIẾN THỨC CHUNG**

**I. Khái quát chung**

**1. Văn nghị luận**

Nghị luận là một thể loại đặc biệt, dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận, giải đáp, làm sáng tỏ một vấn đề nào đó (chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật, triết học, tư tưởng đạo đức,…). Để thuyết phục người đọc, người nghe hiểu, đồng tình với ý kiến của mình, lập luận phải mạch lạc, chặt chẽ, diễn đạt phải trong sáng, ngôn ngữ giàu hình ảnh và sắc thái biểu cảm.

**2. Nghị luận xã hội**

**a. Khái niệm:** là thể văn phân tích, bàn bạc về các vấn đề liên quan đến các mối quan hệ con người trong đời sống xã hội, nhằm tạo ra những tác động tích cực đến con người và những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. So với kiểu bài nghị luận văn học thường gặp, kiểu bài này vừa mới, vừa khó đối với học sinh.

**b. Các dạng bài thường gặp**

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

**c. Những chủ đề thường bàn tới**

- Nghị lực, ý chí, niềm tin.

- Bàn về tình cảm (tình bạn, tình mẹ, tình yêu quê hương đất nước).

- Bàn về cách sống, lý tưởng sống.

- Bàn về việc học, việc đọc..

- Bàn về vấn đề đối với truyền thống (uống nước nhớ nguồn, cái nết đánh chết cái đẹp, không Thầy đố mày làm nên, văn hóa Việt, tôn sư trọng đạo, ...).

- Các phẩm chất đạo đức (Trung thực, danh dự, tự trọng, đức hạnh, khoan dung, đồng cảm, sẻ chia, dũng cảm, danh và thực, tâm hồn, tài đức, nghị lực, khát vọng, niềm tin…).

- Các vấn đề (giá trị bản thân, khen - chê, thành công - thất bại, kẻ mạnh - kẻ yếu, thời gian - cơ hội - lời nói, những thói xấu của con người, sự cho đi và nhận…).

- Các hiện tượng xã hội đang diễn ra trong đời sống xã hội.

**3. Đặc điểm**

- **Văn nghị luận** là dùng các luận điểm, luận cứ và cách lập luận để xác định một tư tưởng, quan điểm hay làm sáng tỏ một vấn đề nào đó. Trong mỗi bài văn có thể có một luận điểm chính và các luận điểm phụ.

- **Luận điểm** là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài văn, được diễn đạt trong sáng, dễ hiểu. Nó thường được thể hiện qua một câu văn ngắn gọn, có tính chất khẳng định hay phủ định (Đôi khi luận điểm không thể hiện theo cách này mà được thông qua cả đoạn văn). Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế mới thuyết phục.

- **Luận cứ** là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt được. Nói cách khác luận cứ làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có tính thuyết phục.

- **Lập luận** là cách thức lựa chọn, sắp xếp luận điểm, luận cứ sao cho chặt chẽ, sáng rõ và thuyết phục.

**4. Cấu trúc chung**

- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề cần bàn luận.

- Thân bài:

 + Giải thích khái niệm (nếu có)- trả lời câu hỏi*“là gì”*. Phần này có thể giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng... tùy theo từng vấn đề.

+ Nêu biểu hiện của vấn đề trong cuộc sống, trong văn chương - Trả lời câu hỏi *“như thế nào”*.

+ Lí giải nguyên nhân vấn đề, hiện tượng hay phẩm chất... - Trả lời câu hỏi *“vì sao”*:

+ Bàn luận về vấn đề, đánh giá phẩm chất, hiện tượng...; đặt ra một số câu hỏi lật ngược lại vấn đề, nhìn vấn đề sâu hơn ở nhiều góc độ... Ví dụ: hiện tượng/ phẩm chất/ ý kiến ấy có luôn đúng/sai/tốt/xấu?

+ Rút ra bài học về nhận thức và hành động cho bản thân. Phần này cần viết chân thành, trung thực, tránh khuôn sáo, cứng nhắc.

 - Kết bài: Đánh giá vấn đề cần bàn luận.

**5. Các thao tác trước khi làm bài**

***5.1. Phân tích đề***

- Hướng dẫn HS thực hiện nhanh, thuần thục các thao tác:

+ Đọc kĩ đề.

+ Gạch chân những từ then chốt, những khái niệm, những “từ khóa”.

+ Chú ý các dấu hiệu ngăn vế câu nêu luận đề (nếu có).

- Xác định các yêu cầu:

+ Nội dung luận đề: vấn đề cần nghị luận là gì? (gồm những ý chính nào?)

+ Thao tác lập luận nào cần sử dụng trong bài viết?

+ Phạm vi dẫn chứng (trong tác phẩm văn học; trong đời sống xã hội)

***5.2. Lập dàn ý***

- Vạch ra các ý lớn, xây dựng những luận điểm chính, trên cơ sở đó triển khai cụ thể thành các ý nhỏ.

- Lựa chọn, sắp xếp các ý thành một hệ thống chặt chẽ, lôgic, làm rõ luận đề

- Bố cục 3 phần. Các ý cần có:

**Mở bài:**

Giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, câu nói, đoạn văn bản (nếu có),...

**Thân bài:**

Kết hợp các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận.

* Giải thích các từ ngữ, khái niệm then chốt trong đề bài.
* Phân tích các khía cạnh của vấn đề.
* Mở rộng, bàn bạc sâu vào vấn đề, đưa ra ý kiến đánh giá của bản thân: khẳng định hoặc phản bác
* Liên hệ thực tiễn, rút ra bài học.

**Kết bài:**

Tổng kết nội dung đã trình bày, mở rộng, nâng cao vấn đề.

***6. Viết đoạn văn***

* Hình thức: có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
* Nội dung:

+ Câu mở đoạn: giới thiệu ngắn gọn, rõ ràng vấn đề cần nghị luận.

+ Các câu phát triển đoạn: giải thích vấn đề cần nghị luận => Phân tích biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề => Đánh giá khái quát => Nêu giải pháp cho vấn đề.

+ Câu kết đoạn: bài học cho bản thân.

**-** Yêu cầu:

+ Trình bày bằng môt đoan văn.

+ Viết đủ số dòng, số câu theo yêu cầu của đề.

+ Nội dung phải rõ ràng, mạch lạc.

**II. CÁC KIỂU BÀI CỤ THỂ**

**1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí**

***a. Đối tượng nghị luận***

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là dạng bài NLXH yêu cầu người viết sử dụng kết hợp các thao tác lập luận hợp lí để bàn bạc, bộc lộ quan điểm, thái độ rõ ràng trước một vấn đề liên quan đến lý tưởng, đạo đức, nhân cách, lối sống ... của con người.

Đề tài rất phong phú và đa dạng. Ví dụ:

- Các vấn đề về nhận thức (Lí tưởng, mục đích sống...)

- Các vấn đề về đạo đức, tâm hồn, tính cách (Lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng...; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn...; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...)

- Các vấn đề về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em...)

- Các vấn đề về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn bè...)

- Các vấn đề về cách ứng xử, những hành động của mỗi người trong cuộcsống.

***b.Yêu cầu***

**- Về kiến thức:**

+ Bài viết cần thể hiện được nhận thức đúng đắn sâu sắc về vấn đề tư tưởng đạo lí cần bàn luận.

+ Người viết thể hiện rõ quan điểm và lập trường đánh giá.

**- Về kĩ năng:**

**+** Biết vận dụng kiến thức để phân tích đề, lập dàn ý và viết hoàn chỉnh một bài *Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.*

+ Xác định các thao tác chính của bài viết.

+ Xác định được các luận điểm, luận cứ cần trình bày.

+ Biết liên hệ, mở rộng (nếu cần)

***c. Dàn ý khái quát***

**Phần mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Trích dẫn ý kiến

**Phần thân bài**

* + Tiến hành theo các bước sau:

+ *Giải thích* rõ luận đề (Giải thích các từ ngữ then chốt, các khái niệm; giải thích ý nghĩa từng vế câu - nếu có; giải thích tổng quát toàn bộ luận đề...)

+ *Phân tích, chứng minh* các mặt đúng của tư tưởng, đạo lí (dùng các dẫn chứng từ cuộc sống và văn học để chứng minh)

+ *Bác bỏ* những biểu hiện sai lệch liên quan đến tư tưởng, đạo lí (dùng các dẫn chứng từ cuộc sống và văn học để chứng minh)

+ *Khẳng định, đánh giá* ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí đã nghị luận

* Liên hệ thực tiễn, rút ra bài học cho bản thân từ vấn đề đã bàn luận.

**🡪** Mô hình cẩu trúc phần thân bài:

GIẢI => PHÂN => BÁC => ĐÁNH

**Phần kết bài:** khái quát ý nghĩa của vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống**

**a. Đối tượng nghị luận**

***Kiểu bài này bàn về một hiện tượng xảy ra trong thực tế đời sống.*** Hiện tượng này có thể là ***hiện tượng tích cực*** cũng có thể là ***hiện tượng tiêu cực***, hoặc là hiện tượng có tính hai mặt (***cả tích cực lẫn tiêu cực***). Như thế, đòi hỏi bằng nhận thức của bản thân phải nêu ra được ý tưởng, quan điểm riêng của mình.

Các dạng đề tài thường gặp gần gũi với đời sống, phù hợp với trình độ học sinh như:

- A*n toàn giao thông*

*- Bảo vệ môi trường.*

*- Việc tiêu cực trong thi cử.*

*- Nạn bạo hành trong gia đình, học đường.*

*- Phong trào học sinh sinh viên tình nguyện, tiếp sức mùa thi.*

*- Bảo về tài nguyên rừng, nguồn nước ..*

*- Tương thân, tương ái*

**b. Yêu cầu**

**Về kiến thức:**

Nắm được cách làm các kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Bài viết cần thể hiện được sự hiểu biết về một hiện tượng đời sống có tác động đến tình cảm, thái độ của bản thân.

- Người viết thể hiện rõ quan điểm và lập trường đánh giá.

**Về kĩ năng:**

**-** Biết vận dụng kiến thức để phân tích đề, lập dàn ý và viết hoàn chỉnh một bài NLXH.

- Xác định các thao tác chính của bài viết.

- Xác định được các luận điểm, luận cứ cần trình bày.

- Biết liên hệ, mở rộng (nếu cần)

**Về tư duy và thái độ giáo dục**

- Nhận biết được dạng bài cụ thể, huy động kĩ năng và kiến thức trong thực tế để bộc lộ suy nghĩ, quan điểm trước một vấn đề xã hội.

- **Tích hợp GDKNS:** Tự nhận thức về những vấn đề tư tưởng đạo lý, có ý thức tiếp thu những quan niệm đúng đắn và phê phán những quan niệm sai lầm.

**c. Dàn ý khái quát**

*\* Mở bài:*

- Giới thiệu vấn đề.

- Nêu luận đề.

*\* Thân bài:*

|  |  |
| --- | --- |
| Hiện tượng tích cực:  + Giải thích  + Nêu và phân tích, chứng minh các biểu hiện của hiện tượng.  + Kết quả, tác động.  + Đề xuất giải pháp: khuyến khích, nhân rộng  + Bài học nhận thức và liên hệ bản thân | Hiện tượng tiêu cực:  + Giải thích  + Nêu và phân tích, chứng minh thực trạng và các biểu hiện của hiện tượng  + Nguyên nhân hậu quả.  + Đề xuất giải pháp: khắc phục, ngăn chặn, đẩy lùi  + Bài học nhận thức và liên hệ bản thân |

*\* Kết bài:*

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề

- Bày tỏ thái độ của bản thân về vấn đề nghị luận.

**3. Nghị luận về một vần đề xã hội trong tác phẩm văn học.**

***a. Đối tượng nghị luận***

Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học là một dạng của kiểu bài nghị luận mà vấn đề cần bàn bạc được rút ra từ một tác phẩm văn học hoặc từ một câu chuyện nhỏ.

Đề tài:

-Một vấn đề xã hội nào đó có ý nghĩa sâu sắc, đặt ra trong tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn ngoài chương trình.

-Dù là lấy từ nguồn nào thì đề tài bàn luận cũng thuộc một trong hai phạm vi: các tư tưởng, đạo lí hoặc các hiện tượng đời sống.

***b. Yêu cầu***

- Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học là kiểu bài nghị luận xã hội, không phải là kiểu bài nghị luận văn học. Cần tránh tình trạng làm lạc đề sang nghị luận văn học.

- Vấn đề xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học có thể là một tư tưởng, đạo lí hoặc một hiện tượng đời sống (thường là một tư tưởng, đạo lí)

**-** Cách làm:

Dạng nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học:

1. Loại: Thuộc loại bài nghị luận xã hội.

2. Đề tài: Một vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc nào đó đặt ra trong tác phẩm văn học.

\*Vấn đề xã hội có ý nghĩa có thể lấy từ hai nguồn: tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà HS chưa được học.

3. Về cấu trúc triển khai tổng quát:

a/ Phần một: Phân tích văn bản (hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện) để rút ra ý nghĩa của vấn đề (hoặc câu chuyện).

b/ Phần hai (trọng tâm): Nghị luận (phát biểu) về ý nghĩa của vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học (câu chuyện).

***c. Dàn ý khái quát***

**Phần mở bài:**

* Giới thiệu vấn đề cần bàn luận trên cơ sở ngầm hiểu ý nghĩa của tác phẩm, câu chuyện.
* Dẫn dắt tác phẩm, câu chuyện được chọn nêu luận đề

**Phần thân bài:**

* Phân tích khái quát nội dung, ý nghĩa của tác phẩm hoặc câu chuyện được dẫn trong đề bài để tìm thấy vấn đề cần bàn luận.
* Nếu vấn đề cần bàn luận là một tư tuởng, đạo lí thì áp dụng mô hình cấu trúc: GIẢI => PHÂN => BÁC => ĐÁNH (Như đã trình bày ở phần trên)
* Nếu vấn đề cần bàn luận là một hiện tuợng đời sống thì áp dụng mô hình cấu trúc: GIẢI => PHÂN => NGUYÊN NHÂN => ĐÁNH GIÁ => GIẢI PHÁP (Như đã trình bày ở phần trên)

**Phần kết bài:**

* Đánh giá ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí hoặc hiện tượng đời sống đã nghị luận, rút ra bài học nhận thức hoặc định hướng hành động.

- Khẳng định ý nghĩa của tác phẩm / câu chuyện và vai trò đóng góp của tác giả.

**Một số đề tham khảo:**

**Đề 1**

*"Tôi thà làm một ngôi sao băng rực rỡ còn hơn làm một hành tinh vĩnh cửu nhưng mờ nhạt và tôi muốn mỗi nguyên tử của tôi bốc cháy trong ánh sáng chói lọi"* (J.Lơnđơn)

Anh, chị hãy viết một bài văn ngắn (*khoảng 600 từ*) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói trên.

|  |
| --- |
| **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, bố cục bài làm cân đối. |
| **b. Yêu cầu về kiến thức**:  Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí; cần làm rõ các ý chính sau: |
| ***Ý1.* *Giải thích ý kiến*** |
| - Câu nói so sánh sự đối lập giữa thời gian rất dài của đời người và thời gian rất ngắn của một ngày để nhấn mạnh: giá trị cuộc sống của mỗi ngày là cơ sở để tạo nên chất lượng, ý nghĩa cuộc sống của một đời người |
| - Thực chất, ý nghĩa câu nói: trong cuộc đời con người mỗi ngày là rất quan trọng, quí giá; đừng để lãng phí thời gian. |
| ***Ý2*. *Suy nghĩ về câu nói*** |
| -Thời gian là một điều kiện quan trọng để tạo nên cuộc sống của con người. Ai cũng ước được sống lâu để làm việc, cống hiến, tận hưởng niềm hạnh phúc . |
| - Một ngày rất ngắn ngủi nhưng con người có thể làm được nhiều việc có ích cho bản thân, cho xã hội: học tập, lao động; có những phát minh, công trình khoa học được tìm ra trong khoảng thời gian rất ngắn. |
| - Sự so sánh đối lập giữa một ngày và một đời người còn thể hiện ý nghĩa sâu sắc về mối quan hệ giữa việc nhỏ và việc lớn; có rất nhiều việc nhỏ xem ra không đáng quan tâm, nhưng là cơ sở để tạo thành những sự việc lớn. |
| - Phê phán hiện tượng lười biếng trong công việc, hoạt động sống hằng ngày. |
| ***Ý3*. *Bài học nhận thức và hành động*** |
| - Cuộc đời con người là hữu hạn nên phải biết quí trọng thời gian, đừng để thời gian trôi đi một cách lãng phí. |
| - Biết trân trọng những giá trị của việc làm, những niềm vui, hạnh phúc thường ngày trong cuộc sống. |
| ***Lưu ý***:  - Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.  - Nếu thí sinh có những suy nghĩ riêng mà hợp lí thì vẫn được chấp nhận. |

**Đề 2**: Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của anh/ chị về mối quan hệ giữa *tài* và *đức*?

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **a. Yêu cầu về kĩ năng**:  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.  - Kết cấu rõ ràng, diễn đạt lưu loát, trong sáng; có chính kiến, có tính biểu cảm. Hạn chế tối đa các lỗi: chính tả, dùng từ, viết câu,…  - Chữ viết rõ ràng, bài sạch sẽ. |  |
| **b. Yêu cầu về kiến thức**: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được các nội dung cơ bản sau: |  |
| - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận |  |
| - Giải thích vấn đề |  |
| + *Tài*: là nói trình độ, năng lực và khả năng sáng tạo của con người.  + *Đức*: là nói tới phẩm chất và nhân cách của con người. |  |
| - Bàn luận vấn đề |  |
| + *Tài* và *đức* là hai việc quan trong trong việc hoàn thiện nhân cách của con người.  + Nếu chỉ chú trọng đến *tài* mà không quan tâm đến *đức* sễ dẫn tới sự lệch lạc trong suy nghĩ và hành động, thiếu sự phấn đấu, tu dưỡng và rèn luyện của bản thân; thậm chí coi trọng *tài* mà không chú ý đến *đức* sẽ dẫn tới những suy nghĩ và hành động gây tác hại cho bản thân, cộng đồng và xã hội.  + Nếu chỉ lo phấn đấu, tu dưỡng *đức* mà không quan tâm đến việc nâng cao trình độ, năng lực và khả năng sáng tạo của bản thân thì cùng không thể đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.  + Giải quyết mối quan hệ hài hòa, gắn bó giữa *tài* và *đức* sẽ giúp con người phát triển toàn diện và có nhiều đóng góp hữu ích cho xã hội. |  |
| - Bài học nhận thức và hành động: phải biết trau dồi rèn luyện bản thân cả về trình độ, năng lực và phẩm chất |  |
| - Kết thúc vấn đề nghị luận: đánh giá lại vấn đề nghị luận. |  |
| ***\* Lưu ý:***  *- Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh đạt cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.*  *- Nếu học sinh có suy nghĩ riêng mà hợp lí thì vẫn được chấp nhận.* |  |

**Đề 3**

Suy nghĩ của anh, chị về ý kiến sau: “Con người sinh ra không phải để tan biến như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để in dấu chân trên mặt đất và lưu dấu ấn trong trái tim người khác.” (Xukhomlinski)

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **a. Yêu cầu về kĩ năng**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội  - Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Không mắc lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp, viết câu...  - Chữ viết rõ ràng, bài làm sạch sẽ. |  |
| **a. Yêu cầu về kiến thức**  HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được các nội dung cơ bản sau:  ***\* Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận:***  ***\* Giải thích ý kiến:***  - *Hạt cát vô danh*: là tượng trưng cho sự nhỏ bé, mờ nhạt và vô định. *Vô danh* là muốn nhấn mạnh sự nhạt nhòa của những hạt cát không tên không tuổi. Con người giống như hạt cát vô danh tức là sống đơn giản, không dám khẳng định mình, không dám vượt lên để khẳng định chỗ đứng và lưu lại dấu ấn...  - Bởi vậy muốn sống ý nghĩa, cần phải “in dấu chân trên mặt đất và lưu dấu ấn trong trái tim người khác” khẳng định mình sống một cuộc đời có ý nghĩa, khẳng định được cái tôi bằng những đóng góp giá trị của bản thân trước cuộc đời.  - Câu nói nhằm khuyên mọi người sống có ý nghĩa, đừng như hạt cát vô danh. |  |
| ***\* Bàn bạc mở rộng:***  - Con người sống như hạt cát vô danh là sống nhạt nhòa, vô ích không có cá tính, không có sự khác biệt, lối sống thu mình... thì không có ai nhớ tới, người đó sẽ bị lãng quên giống như hạt cát nhỏ bé trong sa mạc, không thấy được giá trị cuộc đời, lối sống vô nghĩa...  - Con người sinh ra là hội tụ vẻ đẹp toàn năng của tạo hóa nếu chỉ sống để tồn tại thì thật đáng tiếc: mỗi người sinh ra đều mang trong mình một nghĩa vụ, trách nhiệm, sống có khát vọng, có hoài bão ước mơ, mong muốn để lại dấu ấn cuộc đời... Họ hiểu được giá trị cuộc sống mong muốn sống có ích, đóng góp công sức vào gia đình, xã hội và khẳng định tên tuổi của bản thân mình.  - Có người lưu lại dấu ấn lập dị chơi trội, tiêu cực... đó là dấu ấn xấu, đáng phê phán, gây sự bất bình... khiến người khác phải xa lánh.  - Có những con người lưu lại dấu ấn đẹp mà mãi khi họ không còn nữa nhưng vẫn sống mãi trong tim người khác bằng tình yêu thương và kỉ niệm... (lấy dẫn chứng) |  |
| ***\* Bài học nhận thức và hành động:***  - Câu nói rất đúng đắn nhằm nhắn nhủ đến mỗi người cần sống có ý nghĩa trước cuộc đời. Câu nói hướng con người tới cuộc sống đích thực: chân, thiện, mĩ...  - Là thế hệ trẻ ngoài việc học tập nâng cao trình độ, luôn luôn trau dồi nâng cao hiểu biết cần sống có lý tưởng, trở thành con người có ích và “lưu lại trong trái tim người khác”.  ***\* Đánh giá vấn đề, nêu cảm nghĩ của bản thân*** |  |

**Đề 4**

M. Farađây có nói: “Mọi thứ rồi sẽ qua đi, chỉ còn tình người ở lại”.

Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói trên.

**Hướng dẫn làm bài:**

***I/ Mở bài:*** Nêu được vấn đề cần nghị luận

***II/ Thân bài:***

*1/ Giải thích:*

- *Tình người* là những tình cảm đẹp đẽ của con người, gắn kết những trái tim. Nó có thể là tình cảm lứa đôi, tình cảm gia đình, bè bạn, và cao hơn cả là tình người nói chung. Đó có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất từ sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao hơn mang tính giai cấp, cộng đồng.

- Giải thích ý kiến.

*2/ Bàn luận*

- Câu nói trên có tác dụng như một sự nhắc nhở rằng mọi thứ đều có không gian, thời gian nhất định của nó, một quy luật cơ bản là không có điều gì tồn tại mãi mãi.

- Cuộc sống chỉ tồn tại lâu bền nhất khi được nuôi dưỡng bởi suối nguồn của tình người (dẫn chứng)

- Thực tế, có những con người chạy theo quyền chức, danh lợi... sống thiếu chân thành, đề cao cái tôi cá nhân, lợi dụng hoặc xu nịnh kẻ khác mà đánh mất nhân tâm, đánh mất tình người... trở thành một lối sống ti tiện và thiếu tình người (dẫn chứng)

3. Bài học nhận thức và hành động:

***III/ Kết bài:*** Đánh giá ý nghĩa của câu nói: Hãy sống yêu thương nhau. Đó là đạo đức của con người. Sống với tấm lòng rộng lượng, vị tha, sẵn sàng tha thứ, bỏ qua mọi lỗi lầm, sai phạm của người khác và không bao giờ nhắc đến...

**----------------------------------------------------------------**

**PHẦN III : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A/ THƠ:**

**TÂY TIẾN**

***(Quang Dũng)***

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ:**

**1. Những nét chính về tác giả Quang Dũng (1921- 1988)**

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng vẫn được biết đến nhiều hơn với tư cách là một nhà thơ.

- Thơ Quang Dũng: vừa hồn hậu, vừa tinh tế, mang vẻ đẹp hào hoa, phóng khoáng. Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: nhà thơ của “xứ Đoài mây trắng”, thơ giàu chất nhạc, chất họa.

- Các tác phẩm chính: *Mây đầu ô* (1986), *Thơ văn Quang Dũng* (1988)…

**2. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng**

Quang Dũng là đại đội trưởng ở đơn vị Tây Tiến từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1948 rồi chuyển sang đơn vị khác. Rời đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, Quang Dũng viết bài thơ *Nhớ Tây Tiến (1948)*. Khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là *Tây Tiến*.

**II. ĐỀ VĂN VÀ GỢI Ý LÀM BÀI (tham khảo)**

**Đề 1**: Cảm nhận của anh, chị về đoạn thơ sau:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

…

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

(*Tây Tiến* - Quang Dũng)

**Gợi ý làm bài**

**1. Mở bài:**

- Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài nhưng vẫn được biết đến nhiều hơn với tư cách là một nhà thơ. *Tây Tiến* là bài thơ tiêu biểu nhất trong đời thơ của ông nói về những kỷ niệm với trung đoàn Tây Tiến. Trung đoàn Tây Tiến thành lập năm 1947, hoạt động ở vùng Tây Bắc hoang vu, khắc nghiệt.

- Cuối năm 1948 Quang Dũng rời xa Tây Tiến, cảm xúc về những kỷ niệm dâng trào, ông viết bài thơ *Nhớ Tây Tiến (1948)* sau đổi là *Tây Tiến*. Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì của dân tộc.

- Đoạn thơ trên nằm ở phần đầu bài thơ. Đoạn thơ đã tái hiện lại khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội nhưng vô cùng mĩ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân trong cảm xúc “nhớ chơi vơi” về một thời Tây Tiến:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

…

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

**2. Thân bài:**

**a. Hai câu đầu: khái quát cảm xúc chủ đạo - nỗi nhớ**

- Trong tâm trí nhà thơ, Tây Tiến là một vùng đất đầy ắp kỉ niệm nên mở đầu bài thơ là tiếng gọi tha thiết, bâng khuâng, gợi nhắc một địa danh đong đầy bao kí ức của đời lính.

- *Tây tiến ơi*! – câu cảm vang lên là tiếng lòng da diết gắn liền với bao kỉ niệm thân thương về đoàn quân Tây Tiến.

- Nỗi nhớ đó vừa cụ thể vừa gắn liền với địa danh Tây Bắc: *nhớ về rừng núi* là nỗi nhớ vừa xa xôi, vừa không định hình; *nhớ chơi vơi* tạo sự vang vọng ngân dài với cách điệp vần *ơi* gợi mở một tâm trạng, cảm xúc vang xa đến mênh mông, vô tận.

**b. 12 câu tiếp theo: nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Bắc và chặng đường hành quân**

- Nét đặc sắc đầu tiên của thiên nhiên miền Tây trong kí ức của Quang Dũng chính là màn sương rừng mờ ảo: sương phủ dày ở Sài Khao, sương bồng bềnh ở Mường Lát... đó không chỉ là màn sương của thiên nhiên mà còn là màn sương mờ của kỉ niệm, của nỗi nhớ nhung. Các địa danh Sông Mã, Sài Khao, Mường Lát từng gắn bó với người lính Tây Tiến - kỷ niệm một thời trận mạc hiện về qua những địa danh được nhắc tới. (2 câu tiếp theo)

- Hiện thực khắc nghiệt đã được thi vị hóa bởi cảm hứng lãng mạn: đêm sương trở thành *đêm hơi* bồng bềnh, những ngọn đuốc soi đường di chuyển dọc theo con đường chiến sĩ hành quân được nhìn thành những đóa "hoa" chập chờn, lung linh, huyền ảo...Những thanh bằng nhẹ bỗng trong câu thơ càng làm đậm thêm sự hư ảo của màn sương rừng. Sự khắc nghiệt của thiên nhiên đã được cảm nhận một cách thi vị bởi những tâm hồn lãng mạn, hào hoa.

- Thiên nhiên mang vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội, vừa huyền ảo, thơ mộng.(4 câu tiếp theo)

+ Điệp từ “dốc” gợi cảm giác những con đường dốc nối tiếp nhau.

+ Những từ láy tạo hình *khúc khuỷu, thăm thẳm* đặt trong câu thơ nhiều thanh trắc góp phần miêu tả cảnh hùng vĩ, đầy hiểm trở của núi rừng miền tây. Con đường hành quân qua dốc núi vừa gập ghềnh, trắc trở, vừa cao, vừa sâu hun hút, con đường như dài ra theo bao nhiêu nguy hiểm khó khăn, vất vả với *cọp trêu người* (*chiều chiều, đêm đêm*) và thác cao nghìn thước.

+ Điệp từ *ngàn thước*, “lên” đối lập “xuống”, nhịp thơ 4/3 như tô đậm chiều cao, độ sâu và tạo một nét gãy đầy ấn tượng của núi đèo. Chiều cao và chiều sâu của dốc núi dựng đứng đã đặc tả được sự nguy hiểm đối với chiến sĩ. Dường như trong thế đứng hùng vĩ ấy, trong âm hưởng câu thơ có cả dáng mệt mỏi và nhịp thở đứt quãng nhọc nhằn của chiến sĩ Tây Tiến.

- Sau những nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ là những đường nét thanh thoát, lãng mạn, mềm mại, khắc họa rõ nét vẻ đẹp thơ mộng trữ tình của núi rừng Tây Bắc: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*, *Nhớ ôi… nếp xôi.* Câu thơ với nhiều thanh bằng như tiếng thở phào nhẹ nhõm, thanh thản sau khi vượt qua khó khăn. Từ đỉnh núi, ánh nhìn vươn dài theo cơn mưa rừng xa tận Pha Luông, không gian thơ mộng mở ra với những mái nhà thấp thoáng gợi tình cảm gia đình ấm áp, gần gũi, tiếp thêm sức mạnh vật chất và tinh thần cho người chiến sĩ sau chặng đường dài.

- Cách nói “mùa em” vừa nhẹ nhàng, tình tứ vừa mới lạ, độc đáo. Tâm hồn lãng mạn, tinh tế của người lính Tây Tiến đang hòa một nhịp với những sinh hoạt bình dị và tấm lòng của người dân vùng cao dành cho chiến sĩ. Những bữa cơm đầm ấm tình quân dân, những bát xôi nếp thơm nồng kỉ niệm khiến câu thơ cuối khổ như một tiếng lòng da diết, khắc khoải của hoài niệm.

**c.** **Hình ảnh người lính Tây Tiến: Hồn nhiên, yêu đời, hào hùng, đầy khí phách.**

- Vất vả, gian lao nên không ít người đã mệt mỏi *Gục lên súng mũ bỏ quên đời*. Cách nói giảm làm dịu bớt đau thương – họ hi sinh như đi vào giấc ngủ thanh thản – nhưng cũng không che giấu bớt những gian khổ, nhọc nhằn đã vắt kiệt sức của các chiến sĩ. Nhà thơ nói đến cái chết bằng cách nói giản dị nhưng lại có ý nghĩa tôn vinh.

- Ba chữ *súng ngửi trời* được dùng rất tự nhiên và cũng rất táo bạo, gợi lên hình ảnh những người lính hành quân trên ngọn núi cao, mũi súng như chạm tới đỉnh trời. Cách viết vừa tôn lên tầm cao, vừa gợi tả tầm vóc người lính như sánh ngang trời đất. Bên cạnh đó, còn đem đến sự cảm nhận về tính cách người lính: hóm hỉnh, vui tươi của một tâm hồn trẻ trung, tinh nghịch và rất đỗi yêu đời.

**3. Kết luận:**

- Với bút pháp kết hợp hài hòa giữa tả thực và lãng mạn, tác giả đã tái hiện lại chặng đường hành quân của đoàn quân Tây Tiến. Qua đó dựng nên bức tranh khá hoàn chỉnh và sinh động về thiên nhiên miền tây vừa hùng vĩ, hiểm trở vừa ấm áp nên thơ.

- Những đường nét tạo hình như khắc sâu vào lòng người đọc ấn tượng khó phai về thiên nhiên Tây Bắc. Sự phối thanh nhịp nhàng khiến đoạn thơ nghe như âm vang một khúc nhạc lâng lâng nhung nhớ về một vùng đất Tây Bắc xa xôi bỗng trở nên thân thương gần gũi.

**Đề 2: Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng:**

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*...*

*Áo bào thay chiếu anh về đất*

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng)

**Gợi ý làm bài**

**1. Mở bài:**

- Quang Dũng là nhà thơ được biết đến nhiều trong kháng chiến chống Pháp. Ông làm thơ, viết văn, vẽ tranh. Các tác phẩm đáng chú ý: *Rừng biển quê hương*, *Rừng về xuôi*, *Nhà đồi, Mây đầu ô...*

- *Tây Tiến* là bài thơ đặc sắc của Quang Dũng viết năm 1948 ở Phù Lưu Chanh. Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính cụ Hồ- những con người đẹp nhất của thế kỉ XX.

- Đoạn thơ trên là đoạn thơ hay, đã khắc họa được hình ảnh những chiến sĩ Tây Tiến dũng cảm, kiêu hùng và đầy hào hoa, lãng mạn.

**2. Thân bài:**

**a. *Chân dung người lính Tây Tiến***

- Các chi tiết tả thực *không mọc tóc*, *quân xanh màu lá* đã khắc họa được diện mạo của người lính Tây Tiến, đồng thời phản ánh hiện thực về những gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật nơi chiến trường miền tây. Nhà thơ không hề né tránh những khó khăn gian khổ mà người lính gặp phải trong những buổi đầu chống Pháp, cách nói của nhà thơ cho ta cảm giác ông đang tô đậm, nhấn mạnh cái vẻ ngoài khác thường của họ.

- Đối lập với vẻ ngoài ốm yếu xanh xao đó là tinh thần mạnh mẽ, hình ảnh *dữ oai hùm* đã nói lên được điều ấy: vẻ dũng mãnh như hổ báo chính là kết quả của lòng yêu nước, căm thù giặc mãnh liệt.

**b. *Tâm hồn, khí phách: hào hoa, lãng mạn, kiêu hùng***

- Không chỉ *dữ oai hùm*, *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới* đã tô đậm khí thế, quyết tâm của họ.

- Vất vả, gian lao nhưng vẫn luôn nghĩ về quê nhà, mơ về Hà Nội với những giấc mơ hào hoa và lãng mạn. Chính những điều tưởng chừng như đơn giản ấy lại là một động lực tiếp thêm sức mạnh cho họ trên đường hành quân gian lao, giúp họ có thể trụ vững trong hiện tại khốc liệt.

**c. *Lí tưởng sống cao đẹp***

- Nhà thơ đã không trốn tránh khi nói đến hiện thực đau thương mặc dù đã có sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm (*thay chiếu*, *về đất*): hi sinh không có một manh chiếu để chôn, người chiến sĩ nằm xuống với chính chiếc áo bạc phai đời lính; hình ảnh những nấm mồ vô danh đó rải rác khắp biên cương nơi xứ lạ. Những từ Hán Việt như *biên cương*, *viễn xứ* đã làm tăng thêm sự thành kính trân trọng với người đã khuất và khiến giọng thơ dẫu có làm lòng người ngậm ngùi thương xót nhưng vẫn cất cao âm hưởng hào hùng, bi tráng.

- Sau những đau thương mất mát, những câu thơ sau chuyển giọng, cách ngắt nhịp thay đổi, âm vang mạnh mẽ để phản ánh lí tưởng cao đẹp: vì nước quên mình, sẵn sàng hiến dâng tuổi xuân cho Tổ quốc. *Chẳng tiếc đời xanh* như một lời khẳng định hùng hồn của người trai thời loạn.

- Sự hi sinh của những người lính dẫu để lại nhiều day dứt, xót xa nhưng với cách nói giảm nhẹ *anh về đất* khiến ta có cảm giác sự ra đi này trở nên thanh thản, nhẹ nhàng lạ thường. Những người con ưu tú của đất nước, những người anh hùng của thời đại như vừa hoàn thành xong một chặng hành trình dài: quyết tử cho tổ quốc quyết sinh – xong nhiệm vụ anh trở về với vòng tay rộng mở bao la của đất mẹ trong tiếng sông Mã gầm vang đưa tiễn. Câu thơ diễn tả sự hi sinh thầm lặng mà cao cả, cái chết nhẹ nhàng, thanh thản mà gây xúc động lớn lao trong lòng người, làm lay động cả thiên nhiên. Nỗi bi thương ấy vơi đi nhờ cách nói giảm, rồi bị át hẳn trong tiếng gầm vang dữ dội của con sông khiến bài thơ mang âm hưởng anh hùng ca, thấm đẫm tinh thần bi tráng, hào hùng.

**3.** **Kết luận:**

- Khổ thơ đã dựng nên một tượng đài bất tử về người lính. Người chiến sĩ Tây Tiến hào hoa, anh dũng, kiêu hùng một thời đã gây ấn tượng sâu sắc cũng như sự xúc động lớn lao cho bao thế hệ người đọc. Hình tượng ấy dù vẫn có những hi sinh mất mát nhưng vượt lên tất cả vẫn là một khí phách hiên ngang, một khát vọng, lí tưởng sống cao đẹp đáng trân trọng. Đây cũng chính là chất bi tráng của tác phẩm.

- Bút pháp hiện thực kết hợp với bút pháp lãng mạn tạo nên một khúc quân hành, khúc độc hành đặc sắc.

**TỐ HỮU**

**1. Con đường thơ của Tố Hữu**

Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam từ những năm 1940 cho đến sau này.

***a.* Tập thơ *Từ ấy (1937 - 1946)*** gồm 71 bài sáng tác trong 10 năm (1936 – 1946). Tác phẩm được chia làm ba phần:

- *Máu lửa* (27 bài) được viết trong thời kì đấu tranh của Mặt trận dân chủ, là tâm sự của người thanh niên đang “băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời”.

- *Xiềng xích* (30 bài) được viết trong nhà giam, là tâm tư của một người trẻ tuổi tha thiết yêu đời và khao khát tự do, là ý chí kiên cường của người chiến sĩ quyết tâm chiến đấu ngay trong nhà tù.

- *Giải phóng* (14 bài) viết khi nhà thơ vượt ngục đến những ngày đầu giải phóng vĩ đại của toàn dân tộc. Tác giả nồng nhiệt ca ngợi thắng lợi của cách mạng, nền độc lập, tự do của tổ quốc, khẳng định niềm tin tưởng của nhân dân vào chế độ mới.

Những bài thơ tiêu biểu: *Mồ côi*, *Hai đứa bé*, *Từ ấy*,…

***b.* Tập thơ *Việt Bắc (1946 - 1954)***

- Gồm 24 bài sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

- *Việt Bắc* là bức tranh tâm tình của con người VN trong kháng chiến với những cung bậc cảm xúc tiêu biểu : tình yêu quê hương đất nước, tình đồng chí đồng đội, tình quân dân, lòng thủy chung cách mạng. Đồng thời thể hiện quyết tâm bảo vệ sự toàn vẹn của đất nước.

***c. Gió lộng (1955 - 1961)*** *:*

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

+ Phong trào đấu tranh chống Mĩ - Ngụy ở miền Nam.

- Tác phẩm thể hiện niềm vui chiến thắng, cuộc sống mới với những quan hệ xã hội tốt đẹp. Còn là lòng tri ân nghĩa tình đối với Đảng, Bác Hồ và nhân dân.

***d. Ra trận (1962 - 1971), Máu và Hoa (1972 - 1977)***

Phản ánh cuộc đấu tranh của dân tộc kêu gọi cổ vũ tinh thần chiến đấu của dân tộc. Ca ngợi Bác Hồ, tổng kết lịch sử đấu tranh.

**e. Tập thơ *Một tiếng đờn* (1992), *Ta và ta* (1999)** – đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu. Nhà thơ tìm đến những chiêm nghiệm mang tính phổ quát về cuộc đời và con người và vẫn luôn kiên định niềm tin vào lý tưởng, vào con đường cách mạng.

**2. Trình bày phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu**

- **Về nội dung** thơ Tố Hữu mang tính chất *trữ tình chính trị* sâu sắc:

+ Trong việc biểu hiện tâm hồn: hướng về cái ta chung

+ Trong việc miêu tả đời sống: mang đậm tính sử thi

+ Những tư tưởng, tình cảm lớn của con người; những vấn đề lớn lao của đời sống được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất *tâm tình, ngọt ngào tha thiết* rất tự nhiên.

- **Về nghệ thuật biểu hiện**: thơ Tố Hữu *đậm đà* *tính dân tộc*. Phối hợp tài tình ca dao, dân ca các thể thơ dân tộc và “thơ mới”. Vận dụng biến hoá cách nói, cách cảm, cách so sánh ví von rất gần gũi với tâm hồn người. Phong phú vần điệu, câu thơ mượt mà, dễ thuộc dễ nhớ.

**VIỆT BẮC**

(Trích ***Việt Bắc*** - **Tố Hữu)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ**

**1. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Việt Bắc***

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết vào tháng 7 năm 1954, hòa bình lập lại trên miền Bắc.

- Sau chín năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp thắng lợi, Trung ương Đảng và những cán bộ kháng chiến từ chiến khu Việt Bắc trở về thủ đô Hà Nội, từ miền núi về đồng bằng, miền xuôi.

- Nhân sự kiện lịch sử trọng đại này, tháng 10-1954 bài thơ *Việt Bắc* ra đời. Tác phẩm gồm 150 câu viết theo thể thơ lục bát.

**2. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Việt Bắc***

Đoạn trích được học rất tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.

**-** Tính dân tộc đậm đà:

+ Thể thơ lục bát truyền thống được sử dụng nhuần nhuyễn.

+ Kết cấu đối đáp thường thấy trong ca dao được sử dụng sáng tạo .

+ Cặp đại từ nhân xưng *mình* – *ta* với sự biến hoá linh hoạt và những sắc thái ngữ nghĩa biểu cảm phong phú được khai thác hiệu quả.

+ Ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi…

+ Những biện pháp tu từ quen thuộc được sử dụng như: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ…

**-** Đoạn trích cũng mang chất sử thi đậm nét khi tác giả tạo dựng được hình tượng kẻ ở, người đi đại diện cho tình cảm của cả cộng đồng.

**-** Bên cạnh đó, đoạn trích còn cho thấy chất trữ tình chính trị đậm đà khi Tố Hữu ngợi ca tình cảm cách mạng thuỷ chung, son sắt giữa người kháng chiến và đồng bào Việt Bắc.

**II. ĐỀ VĂN VÀ GỢI Ý LÀM BÀI**

***Đề 1.* Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu:**

*Ta về, mình có nhớ ta*

*Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.*

*( … )*

*Rừng thu trăng rọi hoà bình*

*Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.*

*(*Theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2008, trang 111)

**Dàn ý:**

***\* Mở bài:***

- Kể về những thành tựu xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống thưc dân Pháp xâm lược, có lẽ chúng ta không thể nào không nhắc đến “*Việt Bắc”* của Tố Hữu. Bài thơ đậm đà màu sắc dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu. Qua đó, thể hiện niềm nhớ thương tha thiết và tình cảm sắt son đằm thắm của nhân dân Việt Bắc với cách mạng, với Đảng, với Bác Hồ, đồng thời cũng thể hiện tình cảm của người cán bộ kháng chiến với thiên thiên, núi rừng và con người Việt Bắc.

- Đoạn thơ gồm mười hai câu ghi lại nỗi nhớ của nhà thơ và cũng là của người cán bộ kháng chiến đối với cảnh và người Việt Bắc.

***\* Thân bài:***

**1. Hai câu đầu: Khái quát nỗi nhớ.**

 - Hoa và người là những gì đẹp nhất của núi rừng Việt Bắc.“Hoa” là cách nói của nghệ thuật tượng trưng cho thiên nhiên và cũng là một bộ phận của thiên nhiên.

- Trong nỗi nhớ của người về hoa và người là hai hình ảnh đồng hiện, soi chiếu vào nhau. Hoa là hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên; người là sản phẩm kỳ diệu tuyệt vời của tạo hoá. Vì vậy, khi nhớ người thì hiện lên bông hoa, khi nhớ hoa thì hiện lên bóng người ngụ ý ngợi ca người ở lại.

**2. Tám câu sau: Bộ tranh tứ bình về thiên nhiên và con người Việt Bắc**

**2.1. Bức tranh thiên nhiên Việt Bắc phong phú, rực rỡ, tươi thắm tượng trưng cho vẻ đẹp của bốn mùa**. Bức tranh bốn mùa: xuân- hạ- thu- đông trở thành bức tranh của nỗi nhớ.

 - Bức tranh mùa đông với “Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi”:

+ Mùa đông xuất hiện bằng một gam màu lạnh- nền xanh mênh mông tĩnh lặng của rừng già gợi ra một xứ sở êm đềm, lặng lẽ, xa vắng…

+ Trên cái nền màu lạnh ấy lại nổi lên một gam màu nóng của *“hoa chuối đỏ tươi*” (ở đây có thể liên tưởng: màu đỏ của hoa chuối gợi ra ý nghĩa tượng trưng cho màu đỏ của cách mạng mới được nhen nhóm, như xua đi cái lạnh ngàn năm của núi rừng mùa đông).

*- Bức* tranh mùa xuân với “Mơ nở trắng rừng”

+ Một mùa xuân tràn ngập màu trắng của hoa mơ gợi sự dịu dàng, tinh khiết, thanh bạch, mộng mơ của tạo vật.

+ Hai tiếng *trắng rừng* như làm cho khắp núi rừng bừng sáng hẳn lên. Đây là hình ảnh giàu tính hiện thực nhưng thấp thoáng ý nghĩa tượng trưng: gợi lên nét đẹp trong sáng trong tâm hồn của con người Việt Bắc.

*-* Bức tranh mùa hè hiện lên trong nỗi nhớ người đi không chỉ có màu sắc, đường nét, ánh sáng mà còn có cả âm thanh ngân vang của tiếng ve gọi hè: “ve kêu rừng phách…”.

+ Ve kêu gọi hè, hè về là rừng phách chuyển màu. Sống ở Việt Bắc, con người thường hay có cảm xúc bâng khuâng trước những hình ảnh kỳ lạ của rừng phách: trong những ngày cuối xuân, nụ hoa vẫn náu kín trong những kẽ lá, khi tiếng ve cất lên thì chúng nhất loạt trổ hoa vàng.

+ Cách dùng từ “*đổ”* khá tinh tế, nhấn mạnh sự mau lẹ đột ngột của quá trình chuyển đổi của cây lá, nó diễn tả sức mạnh của những trận mưa hoa vàng khi gió thổi, ve kêu gọi hè.

 - Bộ tranh bốn mùa kết thúc bằng bức tranh thu :

+ Đêm thu có ánh trăng rọi qua vòm lá tạo thành khung cảnh huyền ảo. Cảnh tượng này thích hợp với việc bộc lộ tâm tư thầm kín dành cho thời điểm kết thúc những cuộc hát giao duyên.

+ Câu thơ gợi không khí thanh bình, yên ả, báo hiệu sự bắt đầu cuộc sống yên vui. Câu thơ cũng gợi sự hoà hợp giữa thiên nhiên (*rừng thu*) với vũ trụ (*trăng*) với cuộc sống thanh bình yên vui trong sự hoà hợp của những tấm lòng nhân ái giữa người đi và người ở lại.

**2.2. Hình ảnh con người Việt Bắc:**

- Bên cạnh nỗi nhớ thiên nhiên là nỗi nhớ con người Việt Bắc. Con người là hình ảnh luôn được đan cài, xen kẽ, hoà hợp với thiên nhiên. Sau mỗi câu lục  nói về hoa  là đến câu bát nói về người. Con người gắn bó khăng khít với thiên nhiên làm cho thiên nhiên bớt vẻ hoang sơ và thêm có hồn. Giữa thiên nhiên gợi cảm, con người hiện lên thật bình dị, đáng yêu và luôn gắn bó với lao động:

*+* Hình ảnh con người trong mùa đông hiện lên với một dáng vẻ, tư thế hiên ngang trong lao động *dao gài thắt lưng*

+ Hình ảnh con người trong mùa xuân lại gắn với bàn tay dịu dàng, cần mẫn của các cô gái *chuốt từng sợi giang* (hình ảnh giống như cảnh phim quay chậm, không chỉ giúp người đọc thấy rõ đường nét, hình khối, động tác của người lao động mà còn thấy cả ý nghĩ đắn đo, thận trọng, tỉ mỉ trong từng công việc).

+ Hình ảnh *Cô gái hái măng một mình* trong mùa hạ vừa gợi sự cần cù, chăm chỉ, kiên nhần lại vừa gợi cái không gian bao la, mênh mông của núi rừng Việt Bắc.

*+* Nhớ người Việt Bắc, người về còn nhớ cả *tiếng hát ân tình thuỷ chung*. Đó là tâm hồn, là tình cảm của những con người miệt mài, chăm chỉ với công việc, lặng lẽ cưu mang trong mình những rung động, cảm xúc trước đất trời, trước cuộc đời.

- Sự đan xen giữa người và cảnh tạo nên sự hài hoà, quấn quýt, gợi tình cảm nhớ nhung da diết.

**-** Âm hưởng chung của đoạn thơ là nỗi nhớ nhung tha thiết. Nhịp thơ lục bát nhịp nhàng, uyển chuyển, bâng khuâng, êm đềm như khúc hát ru.

***\** Kết bài:**

- Có thể nói, đây là một trong những đoạn hay nhất của bài *Việt Bắc*. Trong bộ tranh bốn mùa, hoa - người đều đẹp lung linh, rạng rỡ, gắn bó mật thiết với nhau: hoa đứng cạnh người, người đứng cạnh hoa … tất cả như càng làm tôn lên vẻ đẹp của nhau.

- Bức tranh như in rõ dấu ấn của tấm lòng nhà thơ với cái nhìn chứa chan tình yêu thiên nhiên, tình yêu con người của nhà thơ.

***Đề 2.* Anh, chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu**:

*Những đường Việt Bắc của ta*

*...*

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

*(*Theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2008, trang 112)

**Dàn bài gợi ý:**

**1. Mở bài:**

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ ký kết, miền Bắc nước ta được giải phóng. Tháng 10 năm 1954 các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ ”Việt bắc”

- Bài thơ được viết theo thể lục bát dài 150 câu, đoạn phân tích từ câu sáu mươi ba đến câu bảy mươi tư.

- Đoạn thơ ghi lại cảnh tượng hào hùng, sôi động, đầy khí thế của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**2. Thân bài:**

Đoạn thơ tập trung tái hiện không khí của cuộc kháng chiến lúc mà *Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.* Giọng điệu của đoạn thơ rắn rỏi, mạnh mẽ đầy hưng phấn. Đoạn thơ mang âm hưởng hào hùng của anh hùng ca, mang khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn. Sáng tạo của Tố Hữu là đã đưa chất anh hùng ca vào thể thơ của dân tộc làm tăng tính biểu cảm cho thể thơ của dân tộc. Tám câu đầu của đoạn thơ là hình ảnh sống động của đêm Việt Bắc trong mùa chiến dịch. Bốn câu thơ sau là niềm vui chiến thắng.

a. Bức tranh Việt Bắc ra trận và niềm vui chiến thắng trăm miền.

\* Bức tranh Việt Bắc ra trận

- Mở đầu đoạn thơ là bức tranh khái quát về những con đường hành quân vĩ đại với khí thế hừng hực, sục sôi:

*Những đường Việt Bắc của ta*

*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*

- Hình ảnh đoàn quân ra trận *điệp điệp, trùng trùng:*

*Quân đi điệp điệp trùng trùng*

*Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*

Đoàn quân ra trận ngời sáng với lý tưởng cao đẹp, với hào khí ngất trời của những người tin chắc chiến thắng sẽ đến trong cuộc chiến tranh vệ quốc chính nghĩa

- Hình ảnh đoàn dân công trong kháng chiến:

*Dân công đỏ đuốc từng đoàn*

*Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay*

*Bước chân nát đá* là bước chân của những con người ngày đêm đạp mọi chông gai, thử thách để phục vụ cho tiền tuyến

- Hình ảnh đoàn xe xuất trận trong niềm tin thắng trận :

*Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*

*Đèn pha bật sáng* trong đêm núi rừng cũng là niềm tin lạc quan vào tương lai của đất nước

\* Nhà thơ nhớ về những niềm vui chiến thắng trên khắp mọi miền của đất nước:

*Tin vui chiến thắng trăm miền*

*Hoà Bình,Tây Bắc, Điện Biên vui về*

*Vui từ Đồng Tháp, An Khê*

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

- Đoạn thơ mở ra một không gian rộng lớn của chiến thắng *trăm miền* từ Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên cho đến Đồng Tháp, An Khê rồi lại trở lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng .

=> Đoạn thơ thể hiện cảm hứng ngợi ca Việt Bắc, ngợi ca cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt của nhân dân ta .

- Biện pháp liệt kê với hàng loạt những địa danh: Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp, An Khê, … thể hiện niềm vui sướng, lòng phấn khởi phơi phới của con người trước những thắng lợi vẻ vang của cách mạng, của kháng chiến.

b. Về nghệ thuật: Đoạn thơ là một trích dẫn tiêu biểu về phong cách trữ tình chính trị của Tố Hữu

- Sử dụng từ láy điêu luyện, tài tình: *rầm rập, điệp điệp, trùng trùng* …phác họa khí thế hào hùng của quân và dân Việt Bắc.

- Hình ảnh thơ vừa rất thực, vừa rất lãng mạn làm cho đoạn trích trở nên hấp dẫn hơn: *Bước chân nát đá, ánh sao đầu súng.*

*-*Biện pháp so sánh cường điệu gợi lên bức tranh khái quát về những đêm hành quân tấp nập từ khắp các ngả đường của căn cứ địa Việt Bắc.

- Nhịp điệu thơ dồn dập, giọng thơ hào hùng, sôi nổi…

**3. Kết bài:**

- Đoạn thơ đã tái hiện lại một thời kỳ đấu tranh với khí thế rất đỗi tự hào của dân tộc, với sức mạnh không gì có thể cản nổi của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Qua đoạn thơ này, ta thấy được tính trữ tình chính trị, tính dân tộc đậm đà, cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi trong phong cách thơ Tố Hữu .

**======================================================**

**ĐẤT NƯỚC**

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm)

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ**

**1. Vài nét về tác giả Nguyễn Khoa Điềm**

- Xuất thân trong gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng.

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Phong cách thơ: Giàu chất trí tuệ, suy tư, xúc cảm dồn nén, mang màu sắc chính luận.

**2. Xuất xứ của đoạn trích *Đất Nước* (trích Trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm)**

- Đoạn trích *Đất Nước* thuộc phần đầu chương V của trường ca *Mặt đường khát vọng.*

- Trường ca *Mặt đường khát vọng* được Nguyễn Khoa Điềm hoàn thành ở chiến khu Trị- Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974.

- Bản trường ca khái quát quá trình thức tỉnh của tuổi trẻ của đô thị vùng tạm chiến miền Nam: nhận rõ bộ mặt xâm lược của đế quốc Mĩ, hướng về nhân dân, về đất nước, ý thức được sứ mệnh của thế hệ mình, đứng dậy xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu của toàn dân tộc.

**II. ĐỀ VĂN VÀ GỢI Ý LÀM BÀI**

**Đề 1: Phân tích đoạn thơ sau trong đoạn trích** *Đất Nước* **trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm:**

***Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi***

***...***

***Đất Nước có từ ngày đó...***

**(Theo Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, trang 119)**

**\* Mở bài:**

- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, thuộc thế hệ nhà thơ chống Mỹ cứu nước. Đất nước, nhân dân, cách mạng luôn là nguồn cảm hứng phong phú đối với ông.

- *Đất Nước* là một đoạn trích thuộc chương V trong bản trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, sáng tác năm 1971, tại chiến trường Bình Trị Thiên.

 - Chín câu thơ đầu của đọan thơ  là những cảm nhận sâu sắc của nhà thơ về sự sinh thành và phát triển của Đất Nước qua những hình tượng cụ thể, sinh động, gợi cảm, gắn bó thân thiết với mỗi con người Việt Nam.

**\* Thân bài:**

**- Cảm nhận chung:**

+ Nguyễn Khoa Điềm đã chọn điểm nhìn gần gũi để miêu tả một Đất Nước tự nhiên, bình dị mà không kém phần thiêng liêng, tươi đẹp.

+ Hình ảnh Đất Nước trong đoạn thơ đầu hiện lên muôn màu muôn vẻ, sinh động lạ thường, lắng đọng trong tâm tưởng ta qua những nét đẹp về phong tục, tập quán, văn hóa, truyền thống mang đậm dấu ấn con người Việt.

**- Cảm nhận cụ thể từng phần:**

+ Câu thơ mở đầu là câu khẳng định *Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*. Với cách vào đầu rất tự nhiên ấy, nhà thơ khẳng định: Đất Nước đã có từ rất lâu, có trước khi ta sinh ra vì thế khi ta lớn lên thì ta đã thấy Đất Nước.

+ Bốn chữ cuối của câu thơ vang lên đầy tự hào *Đất Nước đã có rồi*. Đó là lời khẳng định chắc nịch về sự trường tồn của đất nước qua mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước.  
 + Hai câu thơ tiếp theo nhà thơ diễn tả cụ thể về sự ra đời của Đất Nước.

*Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa” mẹ thường hay kể.*

*Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

Câu thơ thứ nhất, tác giả cho rằng Đất Nước có trong cái *ngày xửa ngày xưa*. Nghĩa là Đất Nước có từ rất lâu đời, có tự ngày xưa. Đất Nước có từ trước khi những câu chuyện cổ ra đời rồi khi những câu chuyện cổ có mặt trong đời sống tinh thần của ta, ta lại thấy Đất Nước hiện diện trong truyện cổ. Đất Nước của một nền văn học dân gian đặc sắc với những câu chuyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết. Chính những câu chuyện cổ và những bài hát ru thuở ta còn nằm nôi là nguồn sữa ngọt lành chăm bẵm cho ta cái chân thiện mĩ và lớn lên ta biết yêu đất nước con người.

Câu thơ thứ hai, nhà thơ diễn tả Đất Nước có trong *miếng trầu bây giờ bà ăn*. Gợi nhắc phong tục ăn trầu của người Việt. Câu thơ gợi nhớ về câu chuyện cổ tích *Sự tích trầu cau* được xem là xưa nhất trong những truyện cổ. Như vậy là thẩm thấu vào trong miếng trầu dung dị ấy là 4000 năm phong tục, 4000 năm dân ta gìn giữ phong tục ăn trầu. Miếng trầu là biểu tượng của tình yêu, vật chứng cho lứa đôi cũng là biểu tượng tâm linh của người Việt.

+ Câu thơ thứ tư, nhà thơ diễn tả sự trưởng thành của Đất Nước. Đó là sự trưởng thành từ truyền thống đánh giặc giữ nước qua hình tượng Thánh Gióng và cây tre: *Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc.*

Câu thơ gợi nhắc cho ta nhớ đến truyền thuyết Thánh Gióng, chàng trai Phù Đổng Thiên Vương nhổ tre làng Ngà đánh giặc, gợi lên vẻ đẹp khỏe khoắn của tuổi trẻ Việt Nam kiên cường, bất khuất:

Truyền thống vẻ vang ấy đã theo suốt chặng đường dài của lịch sử dân tộc cho mãi đến hôm nay.

+ Bốn câu thơ tiếp theo nhà thơ mang đến cho người đọc vẻ đẹp thuần phong mỹ tục của con người Việt:

*Tóc mẹ thì bới sau đầu  
 Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn  
 Cái kèo, cái cột thành tên  
 Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng*  
 Đó là vẻ đẹp giản dị của người phụ nữ Việt Nam. Không ai khác là những người mẹ với phong tục *búi tóc sau đầu* (tóc cuộn thành búi sau gáy tạo cho người phụ nữ một vẻ đẹp nữ tính, thuần hậu rất riêng).

Nguyễn Khoa Điềm tiếp tục gắn dòng suy tưởng đến con người ngàn đời cư trú, lao động, chiến đấu trên mảnh đất Việt để giữ gìn tôn tạo mảnh đất thân yêu. Ở đó đạo lí ân nghĩa thủy chung đã trở thành truyền thống ngàn đời của dân tộc: *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*.

Thành ngữ *gừng cay muối mặn* được vận dụng một cách đặc sắc trong câu thơ nhẹ nhàng mà thấm đượm biết bao ân tình. Nó gợi lên được ân nghĩa thủy chung ở đời: gừng càng già càng cay, muối càng lâu năm càng mặn, con người sống với nhau lâu năm thì tình nghĩa càng đong đầy.

Câu thơ *Cái kèo cái cột thành tên*, gợi nhắc cho người đọc nhớ đến tục làm nhà cổ của người Việt. Đó là tục làm nhà sử dụng kèo cột giằng giữ vào nhau làm cho nhà vững chãi, bền chặt tránh được mưa gió, thú dữ. Đó cũng là ngôi nhà tổ ấm cho mọi gia đình đoàn tụ bên nhau. Từ đó, tục đặt tên con “cái Kèo, cái Cột” cũng ra đời.

Đâu chỉ có những vẻ đẹp trên, dân tộc ta còn có truyền thống lao động cần cù, chịu thương chịu khó *Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, dần, sàng*.

  Thành ngữ *Một nắng hai sương* gợi nên sự cần cù chăm chỉ của cha ông ta những ngày long đong, lận đận trong đời sống nông nghiệp lạc hậu. Đó là truyền thống lao động cần cù, chịu thương chịu khó. Các động từ *Xay – giã – dần – sang* là quy trình sản xuất ra hạt gạo. Để làm ra hạt gạo ta ăn hằng ngày, người nông dân phải trải qua bao nắng sương vất vả gieo cấy, xay giã, giần sàng. Thấm vào trong hạt gạo bé nhỏ ấy là mồ hôi vị mặn nhọc nhằn của giai cấp nông dân.

+ Câu thơ cuối cùng khép lại bằng một câu khẳng định với niềm tự hào: *Đất Nước có từ ngày đó*.

*Ngày đó* là ngày nào ta không rõ nhưng chắc chắn *ngày đó* là ngày ta có truyền thống, có phong tục tập quán, có văn hóa. Mà có văn hóa nghĩa là có Đất Nước. Đúng như lời Bác dặn trước lúc đi xa *Rằng muốn yêu tổ quốc mình, phải yêu những câu hát dân ca*.

- Nghệ thuật:

+ Thành công của đoạn thơ trên là nhờ vào việc vận dụng khéo léo chất liệu văn hóa dân gian như phong tục ăn trầu, tục búi tóc, truyền thống đánh giặc, truyền thống nông nghiệp.

+ Nhà thơ sáng tạo thành ngữ dân gian, ca dao tục ngữ, thành ngữ…

+ Điệp ngữ *Đất Nước* được nhắc lại nhiều lần. Nhà thơ luôn viết hoa hai từ *Đất Nước* tạo nên sự thành kính, thiêng liêng… Tất cả làm nên một đoạn thơ đậm đà không gian văn hóa người Việt.

+ Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, lời thơ nhẹ nhàng đúng giọng thủ thỉ tâm tình nhưng vẫn mang đậm hồn thơ triết lí.

**\* Kết bài:** Tóm lại, đoạn thơ trên là một trong những đoạn thơ hay và sâu sắc trong *Đất Nước*. Qua đoạn thơ, nhà thơ đã mang đến cho người đọc vẻ đẹp của một Đất Nước giàu văn hóa cổ truyền. Đất Nước của truyền thống, phong tục tươi đẹp mang đậm dấu ấn của tư tưởng Đất Nước của nhân dân.

**Đề 2:** **Phân tích đoạn thơ sau trong đoạn trích *Đất Nước* trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm:**

*Trong anh và em hôm nay*

*…Làm nên Đất Nước muôn đời…*

*(*Theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2008, trang 119)

**\* Mở bài:**

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ nhà thơ chống Mỹ cứu nước. Đất nước, nhân dân, cách mạng luôn là nguồn cảm hứng phong phú của thơ ông.

- *Đất Nước* là một đoạn trích thuộc chương V trong bản trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm.

- Đoạn thơ sau đây là những lời nhắn nhủ tâm tình về sự gắn bó và trách nhiệm của mỗi người với Đất Nước (Trích thơ)

**\* Thân bài:**

- Cảm nhận chung: Trong chương V trường ca *Mặt đường khát vọng*, hai từ Đất Nước và Nhân Dân đều được viết hoa, trở thành “mĩ tự” gợi lên không khí cao cả, thiêng liêng và biểu lộ cao độ cảm xúc yêu mến, tự hào về Đất Nước và Nhân Dân. Chủ thể trữ tình là “anh và em”, giọng điệu tâm tình thổ lộ, sâu lắng, thiết tha, ngọt ngào. Cấu trúc đoạn thơ là cấu trúc tổng – phân – hợp thể hiện được chất chính luận của ngòi bút Nguyễn Khoa Điềm.

- Cảm nhận cụ thể từng phần:

+ 2 câu thơ đầu: Khẳng định trong bản thân anh và em đều có một phần Đất Nước, sự nhận thức chân lí về cội nguồn, về truyền thống, về lịch sử… Đất Nước gần gũi và gắn bó thân thiết với chúng ta. Ta là một phần của Đất Nước thật là yêu thương và tự hào.

+ 4 câu thơ tiếp theo mở rộng ý thơ của 2 câu thơ đầu:

*Khi hai đứa cầm tay* – yêu thương, xây dựng gia đình 🡪 *Đất Nước hài hòa nồng thắm* 🡪 tình yêu và hạnh phúc gia đình mới tạo nên sự hài hòa nồng thắm với tình yêu quê hương Đất Nước. Đó là bản chất thống nhất trong tình cảm của thời đại mới (liên hệ với bài *Nhớ* của Nguyễn Đình Thi, *Quê hương* của Giang Nam)

*Khi chúng ta cầm tay mọi người* – đoàn kết, yêu thương đồng bào 🡪 *Đất Nước vẹn tròn, to lớn* tạo nên sức mạnh Việt Nam 🡪 cảm nhận Đất Nước từ cội nguồn của dân tộc.

🡪Với những cảm nhận tinh tế, mới mẻ về sự hòa quyện giữa cái riêng và cái chung, giữa tình yêu và niềm tin, đồng thời kết hợp sử dụng các tính từ *hài hòa, nồng thắm; vẹn tròn, to lớn* đi liền nhau, đặc biệt là kiểu câu cấu tạo theo hai cặp đối xứng về ngôn từ *(Khi /Khi; Đất Nước / Đất Nước*), nhà thơ muốn gửi đến cho người đọc bức thông điệp: Đất Nước là sự thống nhất hài hòa giữa tình yêu đôi lứa với tình yêu Tổ quốc, giữa cá nhân với cộng đồng.

+ 3 câu tiếp theo tiếp tục mở rộng ý thơ của 2 câu thơ đầu: từ hôm nay đến ngày mai và muôn đời sau…

Tác giả nhắn nhủ, gửi gắm sự kì vọng vào tương lai: “Mai này …mơ mộng”. Thế hệ con cháu sẽ tiếp bước cha ông để xây dựng Đất Nước. Tác giả tin tưởng vào trí tuệ và bản lĩnh của nhân dân Việt Nam trên hành trình lịch sử xây dựng Đất Nước.

+ 4 câu thơ cuối: cảm xúc dâng lên đến cao trào, giọng thơ tâm tình *Em ơi em* ngọt ngào say đắm: nhà thơ giãi bày, san sẻ về cảm nhận, định nghĩa về Đất Nước của mình *Đất Nước là máu xương của mình*, là mồ hôi xương máu của ông cha. Tác giả kêu gọi ý thức trách nhiệm của mỗi chúng ta: *gắn bó, san sẻ, hóa thân* có như thế mới làm nên Đất Nước muôn đời, trường tồn với thời gian. Điệp ngữ *phải biết* như mệnh lệnh khiến cho giọng thơ trở nên mạnh mẽ.

- Nhận xét chung: Đoạn thơ nói riêng, đoạn trích nói chung đã góp phần vào đề tài Đất Nước trong thơ ca Việt Nam thời kháng chiến một tứ thơ rất đẹp. Thể hiện niềm tin vào tương lai Đất Nước. Đoạn thơ mang tính chính luận, chất trữ tình, hàm ẩn tính công dân trong thời đại mới. Giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tứ thơ dạt dào, giàu cảm xúc, sáng tạo về ngôn từ hình ảnh thể hiện một hồn thơ giàu chất suy tư.

**\* Kết bài:**

- Có thể nói, đây là một trong những đoạn thơ hay và sâu sắc trong đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm. Bởi lẽ, qua đọan thơ, nhà thơ đã giúp cho chúng ta hiểu hơn về sự gắn bó giữa mỗi người với Đất Nước. Từ đó, ý thức hơn về trách nhiệm của mỗi người với quê hương Đất Nước.

- Đoạn thơ cũng giúp ta thấy được vẻ đẹp trong phong cách thơ trữ tình- chính luận của nhà thơ.

**------------------------------------------------**

**SÓNG**

**Xuân Quỳnh**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ**

**1. Những nét chính về cuộc đời và phong cách thơ Xuân Quỳnh**

- Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.

- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khát khao hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều lo âu, trăn trở, day dứt trong tình yêu.

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được viết năm 1967 nhân chuyến đi thực tế của Xuân Quỳnh đến vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào*.

**II. ĐỀ VĂN VÀ GỢI Ý LÀM BÀI**

**Đề: Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh.**

**I. Mở bài**

- Xuân Quỳnh là gương mặt tiêu biểu của phong trào thơ trẻ chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng thơ trẻ trung, tươi mát, đầy nữ tính.

- Đặc điểm đặc sắc trong thơ tình Xuân Quỳnh là bày tỏ trực tiếp tình yêu của người phụ nữ một cách tự nhiên mà mãnh liệt, đằm thắm.

- “Sóng” bộc lộ khát vọng một tình yêu vĩnh hằng, cao thượng của trái tim người phụ nữ đang yêu.

**II. Thân bài**

***1. Ý nghĩa hình tượng “sóng”***

- Hình tượng trung tâm, nổi trội, bao trùm cả bài thơ là hình tượng “sóng”:

+ Sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của Xuân Quỳnh cũng như mọi sáng tạo nghệ thuật của bài thơ đều gắn liền với hình tượng “sóng”. Bài thơ là những con sóng tâm tình của người phụ nữ được khơi dậy khi đứng trước biển khơi mênh mông.

+ “Sóng” là hình tượng mang ý nghĩa ẩn dụ. “Sóng” và “em” vừa hòa nhập làm một, vừa phân đôi để soi chiếu, cộng hưởng. Tâm hồn người phụ nữ đang yêu soi vào sóng để thấy rõ lòng mình, nhờ sóng biểu hiện những trạng thái của lòng mình. Với hình tượng “sóng”, Xuân Quỳnh đã tìm được cách thể hiện thật xác đáng tâm trạng của người phụ nữ đang yêu.

- Hình tượng “sóng” được gợi ra trong bài thơ bằng cả âm điệu: bài thơ có một âm hưởng dạt dào, nhịp nhàng, lúc sôi nổi trào dâng, lúc sâu lắng thì thầm… Âm hưởng ấy còn được tạo nên bởi khổ thơ năm chữ, những câu thơ năm chữ liên tiếp cứ như những đợt sóng miên man, vô tận đang vỗ nhịp vào bờ.

***2. Phân tích hình tượng “sóng” (trong mối tương quan với “em”)***

***2.1. Cung bậc phong phú, trạng thái đối cực phức tạp, nghịch lí và khát vọng vươn xa (khổ 1, 2)***

- Khổ thơ mở đầu bằng một phát hiện về sóng:

*“Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ”*

+ Nữ sĩ phát hiện ra hai sự đối lập trong con sóng muôn đời: dữ dội, ồn ào, mạnh mẽ, cuồng nhiệt và dịu êm, lặng lẽ, sâu lắng, dịu dàng.

+ Xuân Quỳnh thấy sóng mang trong mình tâm trạng, tính cách của người phụ nữ đang yêu, có sự hài hòa của các đối cực: vừa dịu êm, lặng lẽ nhất lại vừa dữ dội, ồn ào nhất.

-> Hai câu thơ mở đầu là lời tự thú, tự bạch táo bạo mà êm đềm: táo bạo vì nó nhận ra sự mãnh liệt, êm đềm vì sau những “dữ dội”, “ồn ào” tình yêu của người phụ nữ vẫn nghiêng về phía cuối câu thơ để dịu dàng và sâu lắng.

- Mỗi con sóng lại mang trong mình một khát vọng lớn. “Sóng” luôn khao khát tự nhận thức, tự khám phá, tìm kiếm sự vô biên của tình yêu trong trái tim mình. Vì thế “sóng” trở nên quyết liệt, khi “*không hiểu nổi mình” … “sóng tìm ra tận bể*”, từ bỏ những nhỏ hẹp, chật chội để tìm đến với sự bao dung, rộng lớn.

- Biển là hình ảnh của sự bất diệt. Đối diện với biển, XQ liên tưởng tới sự bất diệt của khát vọng tình yêu. Biển ngàn đời cồn cào, xáo động như tình yêu muôn đời vẫn “bồi hồi” vỗ sóng “trong ngực trẻ”:

*Ôi con sóng ngày xưa*

*Và ngày sau vẫn thế*

*Nỗi khát vọng tình yêu*

*Bồi hồi trong ngực trẻ*

***2.2. Đầy bí ẩn (khổ 3,4)***

- Sóng từ đối tượng cảm nhận được chuyển thành đối tượng để suy tư. Từ cái nền mênh mông của thiên nhiên “muôn trùng sóng bể”, dòng suy tư của người phụ nữ cuộn lên như con sóng khôn cùng. Những câu hỏi trở thành cuộc đối thoại lớn với vũ trụ về tình yêu:

*Trước muôn trùng sóng bể*

*Em nghĩ về anh, em*

*Em nghĩ về biển lớn*

*Từ nơi nào sóng lên?*

- Xúc cảm tình yêu là xúc cảm mạnh nhất trong trái tim con người. Vì vậy, bao đời nay tình yêu vẫn là câu hỏi lớn. Xuân Quỳnh muốn cắt nghĩa về nguồn gốc của sóng để tìm lời giải đáp cho câu hỏi về sự khởi nguồn của tình yêu trong trái tim mình:

*Sóng bắt đầu từ gió*

*Gió bắt đầu từ đâu?*

*Em cũng không biết nữa*

*Khi nào ta yêu nhau*

-> Thiên nhiên bí ẩn còn có thể lí giải, nhưng không thể dùng lí trí tỉnh táo để xác định thời điểm chính xác bắt đầu một mối tình. Lời thú nhận của Xuân Quỳnh thật hồn nhiên và chân thành. Nó bộc lộ phần nữ tính mềm mại, đằm thắm trong trái tim người phụ nữ muốn sống và yêu nồng nhiệt, thiết tha.

***2.3. Luôn trăn trở, nhớ nhung và bao giờ cũng thủy chung son sắt (Khổ 5,6)***

- Tình yêu đi liền với nỗi nhớ. Nỗi nhớ cũng chính là điểm da diết, khắc khoải nhất của tình yêu. Tâm hồn người con gái đang yêu soi vào sóng, nhờ sóng diễn tả nỗi nhớ vô tận của lòng mình:

*Con sóng dưới lòng sâu*

*Con sóng trên mặt nước*

*Ôi con sóng nhớ bờ*

*Ngày đêm không ngủ được*

*Lòng em nhớ đến anh*

*Cả trong mơ còn thức*

+ Khổ thơ khác biệt (6 câu) là ẩn dụ cho chiều dài mênh mang của nỗi nhớ

+ Hai cặp hình ảnh so sánh độc đáo: Sóng vỗ bờ cả ngày lẫn đêm, em nhớ anh cả lúc thức lẫn lúc ngủ.

+ Thời gian sinh hoạt còn có giới hạn, thời gian tình yêu thống trị cả tiềm thức lẫn giấc mơ. Chỉ có trái tim yêu chân thành, mãnh liệt mới khiến tình yêu chiếm lĩnh cả thời gian và không gian, cả ý thức và tiềm thức như thế.

- Cuộc đời như đại dương mênh mông, vô cùng vô tận. Con sóng thì nhỏ bé. Nhưng giữa cái mênh mang của vũ trụ, sóng mới bộc lộ đầy đủ những khát khao cháy bỏng, những đam mê nồng nhiệt mà vẫn quá đỗi dịu dàng, đằm thắm. Đất trời có bốn phương nam – bắc – tây – đông, nhưng trong vũ trụ tình yêu của người phụ nữ chỉ có một phương duy nhất, đó là “phương anh”:

*Dẫu xuôi về phương bắc*

*Dẫu ngược về phương nam*

*Nơi nào em cũng nghĩ*

*Hướng về anh một phương.*

***2.4. Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu (Khổ 7, 8, 9)***

- Từ nỗi nhớ lúc “dữ dội - ồn ào”, lúc “dịu êm – lặng lẽ”, ý thơ dồn thành khát vọng sống mãnh liệt của “sóng”. “Sóng” tìm đến cái đích của tình yêu trong một niềm tin mạnh mẽ:

*Ở ngoài kia đại dương*

*Trăm ngàn con sóng đó*

*Con nào chẳng tới bờ*

*Dù muôn vời cách trở*

*-* Xuân Quỳnh mượn quy luật của sóng biển, mây trời để diễn tả quy luật của lòng người. Là một phụ nữ nhạy cảm, Xuân Quỳnh ý thức rất sâu sắc về quy luật của cuộc đời:

*Cuộc đời tuy dài thế*

*Năm tháng vẫn đi qua*

*Như biển kia dẫu rộng*

*Mây vẫn bay về xa*

Đứng trước biển, đối diện với cái mênh mông rộng lớn của thời gian và không gian, Xuân Quỳnh ý thức được sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.

- Càng thấp thỏm, lo âu, Xuân Quỳnh càng cháy bỏng khát vọng sống hết mình trong tình yêu:

*Làm sao được tan ra*

*Thành trăm con sóng nhỏ*

*Giữa biển lớn tình yêu*

*Để ngàn năm còn vỗ*

Nhà thơ có khát vọng hóa thân thành *sóng* để bất tử hóa tình yêu đời mình. Hai chữ “tan ra” vừa cháy bỏng nồng nhiệt, vừa thăm thẳm nỗi niềm phụ nữ - cái thăm thẳm của hai khát vọng hòa làm một: yêu hết mình và dâng hiến hết mình để bất tử hóa tình yêu. Đó cũng chính là vẻ đẹp thánh thiện của người phụ nữ trong tình yêu.

**III. Kết bài**

- “*Ở XQ, tình yêu không bao giờ chỉ đơn thuần là tình yêu, nó còn tượng trưng cho cái đẹp, cái tốt, cái cao quý của con người, tượng trưng cho niềm khao khát được hoàn thiện mình*” (Lưu Khánh Thơ).

- “Sóng” là bài thơ bộc lộ đầy đủ trái tim yêu của Xuân Quỳnh, đồng thời tiêu biểu cho tư tưởng và phong cách thơ nữ sĩ ở giai đoạn đầu. Bài thơ duyên dáng; giọng thơ sôi nổi, thiết tha…

==============================================================

**ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA**

**Thanh Thảo**

**I. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ**

**1. Những nét chính về nhà thơ Thanh Thảo**

- Thanh Thảo là một trong những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ông được công chúng yêu mến với những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.

- Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.

- Luôn nỗ lực cách tân thơ Việt:

+ Đào sâu vào cái tôi nội cảm.

+ Tìm kiếm những cách biểu đạt mới: câu thơ tự do, nhịp điệu bất thường, hệ thống thi ảnh và ngôn từ mới mẻ.

- Tác phẩm: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978), *Khối vuông ru bích* (1985)…

**2. Xuất xứ**

Bài thơ in trong tập *Khối vuông ru – bích* (1985), là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ tượng trưng siêu thực.

**3. Những nét chính về F.G.Lor- ca (1898 – 1936)**

- Một trong những tài năng sáng chói của văn học Tây Ban Nha hiện đại, dẫn đầu phong trào cách tân thơ ca lúc bấy giờ với phong cách thơ tượng trưng, siêu thực.

- Sống dưới sự cai trị của chế độ độc tài Pri-nô đê Ri-vê-ra => nhà thơ quyết liệt chống bạo tàn, ca ngợi tự do, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân.

- Bị phát xít bắt giam và bắn chết năm 38 tuổi => trở thành biểu tượng, lá cờ tập hợp các nhà văn hoá đấu tranh cho hoà bình, tiến bộ.

**4. Trình bày những cảm nhận về lời đề từ của bài thơ "Đàn ghi ta của Lor - ca"?**

**- Lời đề từ:**

+ “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta”: bộc lộ tình yêu say đắm của Lor-ca với nghệ thuật, tình yêu tha thiết với xứ sở Tây Ban cầm.

+ Khát vọng lớn lao của người nghệ sĩ vĩ đại: muốn hậu thế vượt qua mình để tìm hướng đi mới, mở rộng chân trời sáng tạo vô bờ của nghệ thuật. Lor - ca vĩ đại nhưng vẫn nhận ra sự hữu hạn trong tư tưởng của mình - tư tưởng của mình rồi sẽ lỗi thời với tương lai, bởi vì quy luật tất yếu của cuộc sống là không có cái mới cuối cùng.

+ Đạo đức của người sáng tạo: nhà thơ cách tân biết thi ca của mình một ngày nào đó sẽ án ngữ, ngăn cản những người đến sau trong sáng tạo nghệ thuật nên đã dặn lại cần phải biết chôn nghệ thuật của ông để đi tới. Ông không muốn bóng của mình đè mãi xuống tương lai.

**II. ĐỀ VĂN VÀ GỢI Ý LÀM BÀI**

**Đề 1: Cảm nhận của anh, chị về bài thơ “Đàn ghi ta của Lor – ca” (Thanh Thảo).**

**1. Mở bài**

- Thanh Thảo là nhà thơ trẻ thời chống Mỹ. Ông được công chúng mến mộ với những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.

- Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.

- Với niềm ngưỡng mộ và xót thương, Thanh Thảo đã khắc hoạ cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lý tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất. « Đàn ghi ta của Lor-ca » là bài thơ mang đậm màu sắc tượng trưng, siêu thực, tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ Thanh Thảo.

**2. Thân bài:**

Nói đến đất nước TBN là nói đến cây đàn ghi ta, cây đàn trở thành biểu tượng âm nhạc và tinh thần của đất nước này. Cảm hứng từ cây đàn ghi ta đã tác động đến những câu thơ của Thanh Thảo. Những câu thơ tự do như những giai điệu ghi ta thánh thót trong những đêm thanh vắng. Câu thơ quen thuộc của Lor – ca được Thanh Thảo lấy làm lời đề từ như chính ước vọng và tâm hồn Lor – ca: nếu có phải chết thì sẽ chết trong tiếng đàn dân tộc, trong nỗi niềm dân tộc và niềm vui được làm một người Tây Ban Nha.

**Bằng hệ thống hình ảnh mang dấu ấn của thơ siêu thực, Thanh Thảo khắc họa hình tượng Lor-catrong khung cảnh chính trị và nghệ thuật của TBN đương thời:**

*những tiếng đàn bọt nước*

*Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*

*li la li la li la*

*đi lang thang về miền đơn độc*

*với vầng trăng chếnh choáng*

*trên yên ngựa mỏi mòn*

- Tiếng đàn được Thanh Thảo cảm nhận bằng thị giác *những tiếng đàn bọt nước*-> Tiếng đàn bằng âm thanh có hình khối, tròn trịa, hiện-tan, tan-hiện, mỏng manh nhưng không thể bị tiêu diệt.

*-* Hình ảnh: *áo choàng đỏ gắt:*

+ Nói đến lễ hội đấu bò tót - một hoạt động văn hóa truyền thống Tây Ban Nha.

+ Gợi hình ảnh một đấu trường đặc biệt: đó là khát vọng dân chủ của công dân Lor-ca trước nền chính trị độc tài; là khát vọng cách tân nghệ thuật của nghệ sĩ Lor-ca trước nền nghệ thuật già nua của TBN đương thời.

- Cùng với hệ thống từ ngữ giàu giá trị biểu cảm:

*đi lang thang về miền đơn độc*

*với vầng trăng chếnh choáng*

*trên yên ngựa mỏi mòn*

đã tạo nên hệ thống hình ảnh vừa chân thực vừa thi vị, vừa cụ thể vừa khái quát giúp ta liên tưởng đầy đủ về hình tượng Lor- ca. Đó là người công dân, người nghệ sĩ đấu tranh cho khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mạnh mẽ nhưng cũng hết sức lẻ loi, đơn độc trên hành trình của bối cảnh xã hội và văn hóa TBN bấy giờ.

**Bằng hệ thống hình ảnh vừa mang ý nghĩa thực vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng, Thanh Thảo tái hiện lại cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật:**

*Tây Ban Nha*

*hát nghêu ngao*

*bỗng kinh hoàng*

*áo choàng bê bết đỏ*

*Lor- ca bị điệu về bãi bắn*

*chàng đi như người mộng du*

- Với nghệ thuật đối lập: *hát nghêu ngao >< bỗng kinh hoàng, đi như người mộng du* -> Dân tộc TBN choáng váng, bàng hoàng trước cái chết đột ngột, bất ngờ đến với Lor-ca.

Dẫu người nghệ sĩ đấu tranh cho tự do nghĩa là luôn luôn dự cảm cái chết đến với mình, nhưng cái chết đã đến với Lor-ca quá độ ngột. Vì thế nó trở thành sự bất ngờ, kinh hoàng và khó hiểu của nhân dân TBN!

- *Áo choàng bê bết đỏ* -> hình ảnh thực: Lor-ca bị hành hình, một tấn thảm kịch.

- Nhưng bất chấp tất cả, vượt lên số phận nghiệt ngã, tiếng ghi ta- linh hồn và tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ vẫn sống:

*tiếng ghi ta nâu*

*bầu trời cô gái ấy*

*tiếng ghi ta lá xanh biết mấy*

*tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*

*tiếng ghi ta ròng ròng*

*máu chảy*

- Tiếng ghi ta:

+ *nâu* - màu của đất, của quê hương, là tình yêu đất nước.

+ *bầu trời cô gái ấy*: tình yêu lứa đôi

+ *lá xanh*: là sự sống

+ *tròn bọt nước vỡ tan*: tức tưởi

+ *ròng­ròng máu chảy*: đau đớn

-> Với nghệ thuật chuyển đổi cảm giác: âm thanh (thính giác) - thị giác (màu sắc, đường nét, hình khối, dòng máu chảy), Thanh Thảo cảm nhận trong tiếng đàn ấy, nỗi đau và tình yêu, cái chết và sự bất tử hòa quyện vào nhau.

***Sự bất tử của tiếng đàn dấy lên niềm xót thương Lor-ca và nỗi xót tiếc cho hành trình cách tân của Lor- ca:***

*không ai chôn cất tiếng đàn*

*tiếng đàn như cỏ mọc hoang*

*giọt nước mắt vầng trăng*

*long lanh trong đáy giếng*

**Hai khổ cuối bài thơ là sự suy tư của tác giả về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca:**

*đường chỉ tay đã đứt*

*dòng sông rộng vô cùng*

*Lor- ca bơi sang ngang*

*trên chiếc ghi ta màu bạc*

*chàng ném lá bùa của cô gái Di-gan*

*vào xoáy nước*

*chàng ném trái tim mình*

*vào lặng yên bất chợt*

*li- la li- la li-la...*

- Hình ảnh mang tính đối lập: *đường chỉ tay đã đứt* >< *dòng sông rộng* *vô cùng* -> Cuộc đời con người luôn hữu hạn trước sự vô cùng của dòng chảy thời gian. Chính vì thế, mỗi người hãy tự lựa chọn cho mình một lí tưởng sống. Lor-ca đã sống và chiến đấu cho tình yêu nghệ thuật, cho lòng mến chuộng tự do, cho tình yêu Tổ quốc của mình. Sự lựa chọn của Lor-ca được Thanh Thảo cảm nhận và tái hiện qua những động từ mạnh, dứt khoát:

*chàng ném lá bùa của cô gái Di-gan*

*vào xoáy nước*

*chàng ném trái tim mình*

*vào lặng yên bất chợt*

- Không “bơi xuôi” như một sự thỏa thuận, chẳng “bơi ngược” như tìm sự sống mà là “bơi sang ngang”, Lor-ca chọn và sẵn sàng chấp nhận cái chết. Một sự giã từ nhẹ nhàng, thanh thản:

*Lor- ca bơi sang ngang*

*trên chiếc ghi ta màu bạc*

Với những giá trị nghệ thuật sáng lấp lánh mà Lor-ca để lại cho đời, Lor-ca đã vượt qua sự ngắn ngủi của đời người để đi vào cõi vô cùng với tình yêu nghệ thuật, tình yêu xứ sở Tây Ban cầm. Như vậy,cái chết không thể tiêu diệt được tâm hồn và những sáng tạo nghệ thuật của Lor-ca. Nhà cách tân vĩ đại của đất nước TBN đã trở thành bất tử trong chính cuộc giã từ này.

**3. Kết bài**

- Bài thơ đã sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực; ngôn ngữ thơ hàm súc, giàu sức gợi.

**-** Nhân danh cho loài người tiến bộ, cho sự ngưỡng mộ và tri ân Lor- ca một cách sâu sắc, Thanh Thảo đã khắc họa thành công hình tượng Lor- ca mang một vẻ đẹp toàn mĩ cả về nhân cách, tâm hồn và tài năng.

**-** Cái đẹp không bao giờ mất hoặc chết đi mà nó tồn tại ở sự biến hóa trong lòng người, nó bất tử với thời gian. Lor-ca- nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban Nha và thế giới ở thế kỉ XX, là một cái đẹp như vậy.

**B/ VĂN XUÔI**

**NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ**

**Nguyễn Tuân**

**1.Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm**

- Xuất xứ:“Người lái đò sông Đà” rút ra từ tập tuỳ bút “Sông Đà” (1960) của Nguyễn Tuân .

- Hoàn cảnh sáng tác:Tác phẩm là kết quả của nhiều dịp Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958.

**2. Những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?**

**2.1. Nội dung**

***\* Hình tượng con sông Đà***

***a. Lai lịch***

- Đến với sông Đà, dường như ngòi bút NT đã gặp được điều tâm đắc, mảnh đất tốt để ngòi bút của ông tung hoành bởi con sông đó mang một cá tính độc đáo:

*Chúng thủy giai đông tẩu*

*Đà giang độc bắc lưu*

(Mọi con sông đều chảy về hướng đông,

Chỉ có sông Đà theo hướng Bắc)

--> thế chảy độc đáo, nghịch ngược, không giống ai.

- Sông Đà dưới ngòi bút NT trở thành một nhân vật có diện mạo, có tính cách.

***b. Tính cách***

***b1. Sông Đà hung bạo, dữ dằn***: (khúcthượng nguồn)

- **Đá trên sông Đà**:

+ “*đá bờ sông dựng vách thành”*: được đặc tả bằng một loạt các liên tưởng, so sánh cụ thể, độc đáo

⬩ mặt sông chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời

⬩ những bức thành vách đá cao chẹt chặt lấy lòng sông như cái yết hầu.

⬩ có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia

--> hẹp, sâu, dốc thẳng đứng, tạo cảm giác rợn lạnh.

+ nhổm cả dậy vồ lấy thuyền.

+ bày thạch trận: bộc lộ bản chất nham hiểm, xảo quyệt.

⬩ chọn khúc ngoặt - khi tầm nhìn bị hạn chế để đánh phục kích.

⬩ dụ người vào sâu thế trận, đánh quật vu hồi --> cô lập hóa, chặn mọi đường sinh.

⬩ khi giáp lá cà: giở mọi ngón đòn hiểm ác, nước thác reo hò làm thanh viện --> uy hiếp tinh thần đối phương.

--> Những thạch trận, phòng tuyến sẵn sàng “ăn chết” con thuyền và người lái đò

- **Gió trên sông Đà**: *“dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt”* → những câu văn diễn đạt theo kiểu móc xích, cấu trúc câu trùng điệp, gợi hình ảnh con sông Đà cuồng nộ, dữ dằn như lúc nào cũng muốn tiêu diệt con người.

**- Nước**

+ **Những hút nước ở quãng Tà Mường Vát**: giống như những cái giếng bê tông người ta thả xuống để chuẩn bị làm móng cầu, *“nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”, “chỗ giếng nước sâu ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”, “những cái hút nước lôi tuột bè gỗ xuống hoặc hút những chiếc thuyền xuống rồi đánh chúng tan xác”* → Lối so sánh độc đáo khiến con sông Đà không khác gì loài thủy quái với những tiếng kêu ghê rợn như muốn khủng bố tinh thần và uy hiếp con người.

+ **Âm thanh thác nước sông Đà**:*“oán trách”, “van xin”→ “khiêu khích”, “giọng gằn mà chế nhạo”* → *“nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa … rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng…”.*

🡪 Gợi không khí của một trận cuồng lửa, hủy diệt.

🡪 Một so sánh độc đáo, gợi cảm vì dùng lửa để tả nước - 2 yếu tố vốn tương khắc --> nhấn mạnh đặc tính hủy diệt ghê gớm của sông Đà.

🡪 Kết cấu câu trùng điệp, nhịp ngắn tạo giọng văn dồn dập, gấp gáp, căng thẳng, từ ngữ cực tả trạng thái dữ dội --> ấn tượng hãi hùng, rùng rợn và sức tàn phá khủng khiếp.

⇒ Con sông Đà hung bạo, dữ dằn không khác gì “kẻ thù số một của con người”, “khắc nghiệt như dì ghẻ, chúa đất” (“chiến trường sông Đà”, “mặt trận sông Đà”).

--> Tính chất cuộc đấu tranh giữa con người - tự nhiên: quyết liệt, căng thẳng, một mất một còn.

\* Tiểu kết:

- Một trong những nét phong cách nghệ thuật của NT là không thích sự bằng phẳng, nhợt nhạt. Bởi thế, khi khắc họa sông Đà hung bạo, NT đã dùng hết bút lực để dường như thi tài với tạo hóa. Ông dùng những câu góc cạnh, giàu tính tạo hình, những câu nhiều động từ mạnh nối tiếp nhau, dồn dập. Nhà văn đồng thời sử dụng lối nói ví von, ẩn dụ, tượng trưng, liên tưởng đầy bất ngờ, chính xác, thú vị.

- Cũng trên chính những trang văn tả sông Đà hung bạo, người đọc bắt gặp niềm tự hào của tác giả về Tổ quốc hùng vĩ, giàu đẹp. Có thể nghe thấy trong đoạn văn ấy âm hưởng của những khúc ca ca ngợi sức mạnh tự nhiên thật hoang dại mà cũng hết sức tự do, phóng khoáng.

***b2. Sông Đà trữ tình, thơ mộng:*** (tập trung ở khúc hạ lưu). Điểm nhìn: động (theo mùa/ trên cao, xa/ ngồi thuyền đi trên mặt sông)

- Đẹp ở hình dáng: Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc kiều diễm: *“con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo …”.*

*→* câu văn mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước.

- Gợi cảm ở màu sắc: Nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa một vẻ đẹp riêng:

+ *“Mùa xuân dòng xanh ngọc bích”*, khác với sông Gâm, sông Lô “màu xanh canh hến”

+ Mùa thu nước sông*“lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa …”* → Sông Đà mỗi mùa mang một vẻ đẹp riêng, quyến rũ và tình tứ.

- Không khí hoang dại, tĩnh lặng: Nguyễn Tuân nhìn sông Đà như một “cố nhân” với những cảnh quang hai bên bờ vừa hoang sơ nhuốm màu cổ tích vừa trù phú tràn trề nhựa sống:

+ Nắng cũng “giòn tan” và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi “yên hoa tam nguyệt” --> nắng sông Đà như ngậm thơ, ngậm họa.

+ Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.

+ Lá non nhú trên những nương ngô, con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.

+ Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.

🡪 Tình cảm của dòng sông đối với con người.

⇒ Nguyễn Tuân say mê miêu tả dòng sông với tất cả sự tinh tế của cảm xúc, và bằng một tình yêu thiết tha thiên nhiên đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hoá. Cảm nhận và miêu tả dòng sông, Nguyễn Tuân chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm của mình. Hình tượng sông Đà là phông nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới

***\* Hình tượng người lái đò***

**a. Ngoại hình:**

- Là ông già 70 tuổi.

*- Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông, nhỡn giới ông vời vợi như mong một cái bến xa xăm nào đó trong sương mù*

*→* công việc in hằn dấu vết lên ngoại hình

→ tính chất cuộc chiến: không cân sức.

**b. Tài năng và phẩm chất**

***b1. Sự từng trải***

- Làm nghề đò đã mười năm liền, trên sông Đà, ông xuôi ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay ông giữ lái độ sáu chục lần.

- Là một con người từng trải, hiểu biết thành thạo nghề lái đò và đã đạt đến trình độ “lấy mắt và nhớ tỉ mỉ những luồng nước của tất cả các con thác hiểm trở”.

- Trí nhớ tuyệt vời của ông lái đò về con sông Đà thật đáng khâm phục: ông nhớ như đóng đinh vào từng con thác, ông thuộc lòng con sông Đà như thuộc một thiên trường ca, thuộc đến cả những dấu chấm than, chấm câu và cả những đoạn xuống dòng. Ông nắm vững quy luật biến đổi “tính tình phức tạp” của sông Đà.

***b2. Lòng dũng cảm và phong thái tài hoa***

\* Dũng cảm: Với lòng quả cảm, niềm tin vào bản thân, người lái đò như một viên tướng xung trận, oai phong, kiên cường, tỉnh táo, bình tĩnh bình thản ứng phó linh hoạt ở ba vòng thạch trận để giành phần thắng (trong một cuộc chiến không cân sức).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trùng vi thạch trận | Sông Đà | Ông đò |
| Vòng I | Bọn đá đứa thì “hất hàm” đứa thì “thách thức”, “mặt nước hò la ùa vào bẻ gãy cán chèo”, sóng nước “đá trái, thúc gối vào bụng vào hông thuyền”… | Đã bị thương nhưng cố ném, “hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái, mặt méo bệch” nhưng “tiếng chỉ huy vẫn ngắn gọn, tỉnh táo”  → Đây là cuộc tỉ thí giữa hai đô vật quá chênh lệch về sức lực và thế võ, người lái đò chiến thắng ở sự bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm quyết tâm cao. |
| Vòng II | sông Đà tăng nhiều cửa tử, cửa sinh nằm ở phía hữu ngạn | Vì nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá và thuộc quy luật phục kích của lũ đá nên người lái đò thay đổi chiến thuật: “cưỡi lên thác sông Đà như cưỡi hổ”, chỗ “rảo bơi”, chỗ “đè sấn”, chỗ “chặt đôi ra” để mở đường tiến → Hàng loạt những động từ cho ta thấy người lái đò thành thạo, chủ động, đầy kinh nghiệm, lấn lướt con sông Đà. |
| Vòng III | Sông Đà sắp đặt bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống ở ngay giữa. | Người lái đò phóng thẳng thuyền chọc thẳng cửa giữa, vút, vút thuyền như mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước → Biện pháp nghệ thuật so sánh nhằm thể hiện trình độ lái đò đạt đến sự tài hoa nghệ thuật, người lái đò táo bạo, quyết liệt, nhanh gọn, dứt khoát, lái đò nhanh và chính xác như tên bay khỏi nỏ cắm trúng đích đến. |

\* Tài hoa: chất nghệ sĩ (không chỉ vượt qua mà ở cách vượt qua một cách đẹp đẽ, nghệ thuật - như “một tay lái lụa”, “ngọt lịm”)

- Ung dung, khiêm tốn: vượt qua ba vòng thạch trận đầy khó khăn, nguy hiểm nhưng sau đó chẳng ai bàn lời nào về những chiến thắng vừa qua mà họ chỉ nói về cá anh vũ, cá dầm xanh, …

→ Qua cuộc chiến không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc, người lái đã nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn; bình tĩnh và hùng dũng.

→ Họ thật khiêm nhường, cái phi thường đã trở thành cái bình thường, chất chiến sĩ hòa vào phong thái tài hoa, nghệ sĩ.

***→ Một người lao động trí dũng, một nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật leo ghềnh vượt thác***

- Nguyên nhân chiến thắng của ông lái đò: sự ngoan cường, dũng cảm và nhất là kinh nghiệm sông nước.

→ Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: những con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các “vang bóng một thời” mà là những người lao động bình thường - chất “vàng mười của Tây Bắc”. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

**2.2. Nghệ thuật**:

- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.

- Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.

- Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình.

**3. Lí giải vì sao trong cảm xúc thẩm mỹ của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như “vàng” nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là “thứ vàng mười đã qua thử lửa” của đất nước ta.**

- Thiên nhiên: *vàng*; con người lao động: *vàng mười* 🡪 trong cảm xúc thẩm mĩ của tác giả, con người đẹp hơn tất cả và quý giá hơn tất cả.

- Con người được ví với khối vàng mười quý giá lại chỉ là những ông lái, nhà đò nghèo khổ, làm lụng âm thầm, giản dị, vô danh.

- Những con người vô danh đó đã nhờ lao động, nhờ cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên mà trở nên lớn lao, kì vĩ, hiện lên như đại diện của Con Người.

**=================================================================**

**AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

*Hoàng Phủ Ngọc Tường*

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NHỚ:**

**1**. **Tác giả:** Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong những nhà văn chuyên về bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông:

- Là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén và suy tư đa chiều được tổng hợp tư vốn kiến thức phong phú…

- Lối viết hướng nội, tinh tế và tài hoa.

**2. Ý nghĩa nhan đề**:

- Nhan đề bài bút kí là một câu hỏi ngỡ như bâng quơ, câu hỏi khó trả lời, nhưng lại là một dấu hiệu thẩm mĩ mở ra nội dung của tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Câu hỏi đặt ra “với trời, với đất” đã đưa nhà văn làm một cuộc hành trình lịch sử tìm về cội nguồn của dòng sông và cảm nhận, miêu tả vẻ đẹp của sông Hương từ góc độ huyền thoại - văn hoá - lịch sử.

- Kết thúc tác phẩm lại là câu hỏi bâng khuâng ấy: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Để trả lời cho câu hỏi này, HPNT mượn một mẩu huyền thoại đẹp khép lại những trang kí, tô đậm thêm vẻ đẹp lấp lánh của dòng sông Hương, đồng thời bộc lộ cái tôi nồng cháy suy tư.

*- Ai đã đặt tên cho* dòng *sông?* Câu hỏi bâng khuâng gợi sự kiếm tìm cái đẹp tiềm ẩn trong sông Hương và thiên nhiên, con người xứ Huế.

**3. Vẻ đẹp của sông Hương qua các góc nhìn khác nhau**.

***\* Từ góc nhìn địa lí:*** Dòng sông “thuộc về một thành phố duy nhất”

- Vẻ đẹp “phóng khoáng và man dại”, “mãnh liệt” mang âm vang của rừng già Trường Sơn.

- Vẻ đẹp huyền ảo, trầm mặc khi chảy qua những đồi thông, những lăng tẩm.

- Vẻ đẹp mơ màng, nên thơ khi rời Vĩ Dạ mướt xanh.

🡪 Dòng chảy của sông Hương qua cảm nhận và miêu tả của nhà văn biến hoá nhiều dáng vẻ.

***\* Từ góc nhìn văn hoá: “***người mẹ phù sa của vùng văn hoá xứ sở***”.***

- Bề dày văn hoá hàm ẩn ở dòng sông Hương - sông Hương được nhìn nhận như là cội nguồn của âm nhạc cổ điển Huế.

- Từ âm thanh của dòng sông, đã hình thành những điệu hò dân gian và nền âm nhạc cổ điển Huế.

- Sự gắn bó mật thiết giữa sông Hương và dòng nhạc cổ điển cũng như dân ca Huế, “toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này”.

\****Từ góc nhìn lịch sử****:* Dòng sông “của sử viết giữa màu cỏ lá xanh biếc”

- Sông Hương là chứng nhân cho những sự kiện lịch sử, những biến thiên của đất nước từ thời Đại Việt đến sau Cách mạng tháng Tám. Trong đó phải kể đến sự kiện lịch sử trọng đại mùa xuân năm 1968.

- Nhà văn bộc lộ niềm tự hào về truyền thống văn hoá Huế, đồng thời cũng nói lên lòng căm giận tội ác của kẻ thù đã tiêu diệt vùng đất cố đô.

***\* Từ góc nhìn của thơ ca****:* Sông Hương là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.

-“*Dòng sông trắng- lá cây xanh*” trong thơ Tản Đà.

- Hùng tráng “*như kiếm dựng trời xanh*” trong thơ Cao Bá Quát.

- Bãng lãng mối quan hoài trong thơ Bà Huyện Thanh Quan.

- Thấm đẫm chất nhân đạo với cảm hứng phục sinh trong thơ Tố Hữu.

**4. Các biện pháp nghệ thuật**

\* Biện pháp nhân hoá:

- “một cô gái Di - gan phóng khoáng và man dại”; “một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng”

- “mẹ phù sa của vùng văn hoá xứ sở” với “sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ”

- “một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”

\* Biện pháp so sánh:

- “dòng sông mềm như tấm lụa”

- “chiếc cầu trắng của thành phố…nhỏ nhắn như những vành trăng non”

- “đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”

\* Những liên tưởng phong phú: Liên tưởng

- Dòng sông, thiên nhiên Huế với cảnh sắc trong *Truyện Kiều.“Nguyễn Du đã bao năm…đi suốt đời Kiều”*

- Sông Hương với tính cách nàng Kiều. “Và giống như nàng Kiều…còn về - còn nhớ…”

\* Một văn phong giàu chất thơ:

Chất thơ toát ra từ thiên nhiên, cảnh vật, từ tâm hồn con người và từ những huyền thoại nhà văn sử dụng đúng chỗ.

\* Kết cấu tác phẩm được dẫn dắt theo mạch cảm xúc của nhà vănvới câu hỏi “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” được lặp lại nhiều lần.

- Câu hỏi ở nhan đề, ở phần giữa và ở cuối văn bản, là yếu tố cốt lõi để dẫn dắt mạch văn, đưa nhà văn làm một cuộc hành trình lịch sử tìm về cội nguồn của dòng sông và cảm nhận, miêu tả vẻ đẹp của nó.

- Câu hỏi ở phần cuối của bài kí bộc lộ những suy nghĩ, trầm tư của nhà văn về cái đẹp của sông Hương ở chiều sâu của nó.

**II. ĐỀ VĂN và GỢI Ý LÀM BÀI (tham khảo)**

**Đề 1**: **Cảm nhận về vẻ đẹp của sông Hương (đoạn từ thượng nguồn đến thành phố Huế) qua tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**1**. **Mở bài**

- HPNT là một trí thức yêu nước, ông quê gốc Quảng Trị nhưng hoạt động và học tập tại Huế nên tâm hồn thấm đẫm chất văn hoá Huế.

- Sông Hương là con sông ở Huế, là niềm tự hào, kiêu hãnh của những người con xứ Huế.

*- Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Là bài kí đặc sắc của HPNT viết về sông Hương với vẻ đẹp thiên nhiên phong phú, huyền ảo.

- Tiêu biểu là đoạn từ thượng nguồn đến thành phố Huế.

**2. Thân bài**

a. Vẻ đẹp của sông Hương

\* Vẻ đẹp ở thượng nguồn

- Hình ảnh đầy ấn tượng: Trường ca của rừng già, bóng cây đại ngàn, những ghềnh thác cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn.

- Màu sắc: rực rỡ màu đỏ của hoa đỗ quyên.

- Sông Hương có sức sống hoang dại nhưng dịu dàng, say đắm.

- Liên tưởng độc đáo với cách so sánh và nhân hoá mạnh mẽ như cô gái Di - gan phóng khoáng, man dại.

\* Vẻ đẹp ở đồng bằng

- Rừng già đã chế ngự sự mãnh liệt để khi bắt đầu ra khỏi rừng, con sông mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành một người mẹ phù sa.

- Sông Hương như *người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu* *Hoá đầy hoa dại*: dự báo cho ta vẻ đẹp mới của dòng sông.

- Những khúc quanh vượt qua bao địa danh mang màu sắc văn hoá Huế.

- Con sông vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn qua những ngọn đồi.

- Dòng sông mềm như dải lụa.

- Dòng sông đi qua những rừng thông u tịch, nơi có bao lăng thẩm của các vua triều Nguyễn.

\* Vẻ đẹp khi vào thành phố Huế

- Vui tươi, chậm rãi, mềm mại, êm dịu như một tiếng “vâng” rất nhẹ của tình yêu.

- Hình dạng sông như một cánh cung, chiếc cầu trên sông như vầng trăng non.

- Điệu chảy lặng lờ của sông như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế

- Tình cảm gắn bó, say mê, tự hào của tác giả với dòng sông, với Huế.

- Ngôn ngữ uyển chuyển đầy chất thơ và âm nhạc

b. Trình bày cảm nhận

- Cảm nhận về một tài năng giàu chất trí tuệ và văn hoá.

- Từ vẻ đẹp của dòng sông, người đọc hiểu về lịch sử, văn hoá của Huế và vẻ đẹp tâm hồn của con người vùng đất cổ kính này.

**3. Kết bài**

Tác phẩm bồi đắp cho người đọc tình yêu, niềm tự hào và sự gắn bó với quê hương, đất nước từ những gì rất gần gũi, quen thuộc, thân thương.

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: Ngữ văn - Lớp 12**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

ĐỀ CHÍNH THỨC

1. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm) Đọc đoạn trích:

*Hỡi những bạn trẻ mà tôi yêu mến. Các bạn hoàn toàn có thể sống cuộc sống các bạn*

*mong muốn. Thay vì sống cuộc sống cha mẹ các bạn muốn, cuộc sống mà xã hội cho rằng có* tương lai, các bạn hoàn toàn có thể sống cuộc sống mình thực sự muốn sống, cuộc sống mà các bạn cho rằng có ý nghĩa với bản thân mình. Những người xung quanh sẽ ngăn cản bạn, nhưng họ đâu thể sống thay cuộc sống của bạn? Khi bạn thấy mình yếu lòng và tự hỏi “Thực sự sống như thế cũng được chăng?” hãy mỉm cười và trả lời “Có chứ!” Khi ta muốn đi con đường chưa ai đặt chân lên hoặc ít người biết đến, chuyện những người xung quanh ngăn cản ta là hết sức thường tình. Nhưng chỉ cần bạn quyết tâm tự mình cáng đáng mọi trách nhiệm đi kèm sự lựa chọn của mình thì bạn hoàn toàn có thể làm theo lời trái tim mách bảo và không cần phải quan tâm đến những gì người khác nói.

*Tôi mong sao tất cả các bạn, dù chỉ là một phút thôi, cũng có đủ dũng khí để làm chủ, tự* nắm lấy tay lái điều khiển cuộc sống của mình, không phải sống cuộc sống chỉ lo đáp lại kỳ vọng của những người xung quanh.

(Trích *Yêu những điều không hoàn hảo,* Hae Min, Nguyễn Việt Tú Anh dịch, NXB Thế Giới, 2018, tr. 131)

# Thực hiện các yêu cầu sau:

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Theo tác giả, chúng ta nên sống cuộc sống như thế nào?

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng *Khi ta muốn đi con đường chưa ai đặt chân lên hoặc ít* người biết đến, chuyện những người xung quanh ngăn cản ta là hết sức thường tình?

**Câu 4.** Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

1. **LÀM VĂN (7,0 điểm) Câu 1. (2,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của việc biết chịu trách nhiệm trước mọi sự lựa chọn của bản thân.

**Câu 2. (5,0 điểm)**

Anh/Chị phân tích đoạn thơ sau:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*

*Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa…” mẹ thường hay kể.* Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

*Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc* Tóc mẹ thì bới sau đầu

*Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

(Trích *Đất Nước -* trường ca *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm,

*Ngữ văn 12,* Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 118)

# - Hết -

*Họ và tên học sinh: ………………………… Số báo danh: Phòng số……*

# SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023 THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

**Môn: Ngữ văn - Lớp 12**

*(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
|  | **1** | Nghị luận  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm.* * *Học sinh không trả lời đúng phương thức “*nghị luận”*: không cho điểm.* | 0,75 |
| **2** | Theo tác giả, chúng ta hoàn toàn có thể sống cuộc sống mà ta *mong muốn*  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Trả lời như đáp án: 0,75 điểm.* * *Học sinh ghi hết hai câu: “Các bạn hoàn toàn có thể sống… có ý nghĩa với bản thân mình”: 0,75 điểm.* * *Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.* | 0,75 |
|  | Tác giả cho rằng *Khi ta muốn đi con đường chưa ai đặt chân lên hoặc ít* | 1,0 |
|  | *người biết đến, chuyện những người xung quanh ngăn cản ta là hết sức* |  |
|  | *thường tình* bởi vì: |  |
|  | - Con đường chưa ai đặt chân lên hoặc ít người biết đến là những lối đi mới, có thể tiềm ẩn nhiều bất trắc, nguy hiểm. Những người xung quanh vì lo ngại mà ngăn cản nhằm giúp chúng ta tránh những tổn thương, thất bại. |  |
| **3** | - Mỗi người thường có những quan niệm và mục tiêu sống khác nhau. Những người xung quanh thường dùng suy nghĩ của bản thân để áp đặt, can thiệp vào lựa chọn của người khác. |  |
|  | ***Hướng dẫn chấm:*** |  |
|  | * *Trả lời được 2 ý: 1,0 điểm.* * *Trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.* * *Học sinh có cách diễn đạt tương đương mà vẫn đảm bảo các ý hoặc có cách lí giải khác mà vẫn hợp lí, thuyết phục: cho điểm tối đa.* * *Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.* |  |
| **4** | Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân hợp lí, thuyết phục.  Có thể theo gợi ý sau: Hãy sống cuộc sống như mình mong muốn; hãy sống cuộc sống thật sự có ý nghĩa, đừng phí hoài cuộc sống của mình theo sự kì vọng của người khác,…  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm.* * *Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** |
|  | **1** | **Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc biết chịu trách nhiệm trước**  **mọi sự lựa chọn của bản thân.** | **2,0** |
| *a) Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân  - hợp, móc xích hoặc song hành. | 0,25 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | *b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Ý nghĩa của việc biết chịu trách nhiệm trước mọi sự lựa chọn của bản thân. | 0,25 |
| *c) Triển khai vấn đề nghị luận*  Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc biết chịu trách nhiệm trước mọi sự lựa chọn của bản thân. Có thể triển khai theo hướng sau:   * Biết chịu trách nhiệm trước mọi sự lựa chọn của bản thân giúp con người chín chắn trong suy nghĩ và cẩn trọng trong hành động, tránh được việc đưa ra những quyết định và lựa chọn mang tính bốc đồng, tùy hứng dễ dẫn đến sai lầm; giúp con người làm theo lời trái tim mách bảo và không cần phải quan tâm đến những gì người khác nói; khả năng dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm cũng cho thấy sự trưởng thành, bản lĩnh, nhân cách của một con người…   ***Hướng dẫn chấm:***   * *Trình bày đầy đủ các ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).* * *Trình bày đầy đủ các ý song lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).* * *Ý cạn; lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*   *- Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp*  *với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0,75 |
| *d) Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e) Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, lời văn có giọng điệu, hình ảnh.*   * *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* * *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **2** | **Phân tích đoạn trích *Đất Nước*** | **5,0** |
| *a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Đoạn trích *Đất Nước*.  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.* * *Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *c) Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm* |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các  yêu cầu sau: |  |
| *\* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn trích (0,25 điểm).* | 0,5 |
| *\* Phân tích đoạn trích*   * Vị trí đoạn trích: thuộc phần đầu đoạn trích *Đất Nước* - trích chương V trường ca *Mặt đường khát vọng*. * Đoạn trích thể hiện được những cảm nhận riêng của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm về đất nước:   + Đất nước có cội nguồn xa xưa, lâu đời.  + Quá trình hình thành (*Đất Nước bắt đầu*) và phát triển (*Đất Nước lớn lên*) của đất nước gắn liền với văn hóa và lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.  + Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi trong cuộc sống của mỗi con người.   * Nguyễn Khoa Điềm sử dụng thành công thể thơ tự do; chất liệu văn hóa dân gian; ngôn ngữ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi; giọng thơ thiết tha, sâu lắng; sự hòa quyện giữa chất chính luận và chất trữ tình… * *Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.* * *Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc ý đầy đủ nhưng chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm.* * *Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các ý: 1,0 điểm - 1,5 điểm.* * *Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các ý: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* | 2,5 |
| *\* Đánh giá*   * Đoạn thơ đã đem đến một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước trong mỗi con người. * Đoạn thơ thể hiện rõ dấu ấn và nét riêng trong phong cách nghệ thuật của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.   ***Hướng dẫn chấm:***   * *Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.* * *Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d) Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e) Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của đoạn trích và tác phẩm; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*   * *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* * *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Tham khảo:**

**Đề 1**

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:**

*Từ chối là một kỹ năng sống quan trọng và cốt yếu. Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói. Nhưng mọi người vẫn lựa chọn điều này. Mọi lúc.*

*Chúng ta cần phải từ chối một thứ gì đó. Nếu không, ta hoàn toàn không thể có nổi bản sắc cá nhân. Hành động lựa chọn một giá trị cho bản thân đòi hỏi việc từ chối lựa chọn giá trị khác. Nếu muốn có một tình bạn chân thành, tôi sẽ từ chối việc đối xử tệ bạc với bạn bè sau lưng họ. Nếu muốn một cuộc hôn nhân hạnh phúc, tôi sẽ không lấy rượu và ma túy làm lẽ sống của cuộc đời mình.*

*Thành thực là niềm khao khát tự nhiên của con người. Nhưng một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái việc nói và nghe từ “không”. Theo đó, từ chối khiến cuộc đời bạn tốt đẹp hơn.*

(Dẫn theo Mark Manson, *Nghệ thuật tinh tế của việc “đếch” quan tâm*, NXB Văn học, Hà Nội, 2019,tr.238)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.** Nêu nội dung của đoạn trích .

**Câu 3.** Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ trong đoạn văn: *Không ai muốn mắc kẹt trong một mối quan hệ không mang lại hạnh phúc. Không ai muốn mắc kẹt với một công việc mà mình căm ghét và không tin vào nó. Không ai muốn cảm thấy rằng họ không thể nói ra điều mình thật sự muốn nói.*

**Câu 4.**

Theo anh/chị, vì sao tác giả viết: *một phần của việc sở hữu tính trung thực trong cuộc đời chúng ta là thoải mái nói và nghe từ “không”?*

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về cách nói lời từ chối.

**Câu 2 (5.0 điểm)**

*Tây Tiến đoàn bình không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*Áo bào thay chiếu anh về đất ,*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Quang Dũng - *Tây Tiến*, *Ngữ văn 12, Tập 1*, NXB Giáo dục, 2008, tr.89)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên, từ đó nhận xét cảm hứng lãng mạn và tính bi tráng trong cách thể hiện của tác giả

**LỜI GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I** | 1.  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận  2.  - Nội dung: từ chối là một kĩ năng sống quan trọng, cần thiết giúp khẳng định bản sắc cá nhân và góp phần đảm bảo hạnh phúc cho cuộc sống mỗi người.  3.  - Biện pháp: Điệp cấu trúc (*Không ai*…).  - Tác dụng: nhấn mạnh những điều không ai mong muốn sẽ xảy ra trong cuộc sống của mình; tạo giọng văn trùng điệp, dứt khoát.  4.  *Gợi ý:*  - Lời từ chối không dễ nói ra, dù nhiều khi rất muốn. Bị từ chối cũng thường khiến con người cảm thấy khó chịu.  - Thiếu kĩ năng từ chối hoặc không thoải mái khi bị từ chối sẽ khiến cuộc sống của bạn trở nên ngột ngạt, khiên cưỡng, mệt mỏi. |
| **II** | **1. Giới thiệu vấn đề:** cách nói lời từ chối.  **2. Giải thích:**  *-* Từ chối: có thể hiểu là không đáp ứng một yêu cầu, nguyện vọng nào đó của người khác khi họ đề xuất với mình.  => Từ chối là một kĩ năng cần thiết, quan trọng mà mỗi người cần phải học.  **3. Bình luận:**  - Ý nghĩa của lời từ chối:  + Từ chối đúng lúc, đúng chỗ sẽ khiến cho cuộc sống của chúng ta trở nên nhẹ nhàng, dễ thở và hạnh phúc hơn.  + Từ chối cũng là cách nâng cao giá trị bản thân; để bản thân có thời gian dành cho sự nghiệp, sở thích của riêng mình.  - Nhưng lời từ chối có thể làm tổn thương người khác và gây áp lực lên chính mình. Bởi vậy, khi từ chối chúng ta cần:  + Học cách từ chối khéo léo.  + Nói năng lịch sự, giải thích rõ ràng.  + Từ chối khi đó là việc thực sự không thể làm được, từ chối một cách chân thành.  + …  - Giá trị của bản thân mỗi người không phụ thuộc vào những gì bạn làm cho người khác. Bởi vậy, đừng ngần ngại từ chối khi cảm thấy cần thiết.  - Liên hệ bản thân và tổng kết vấn đề. |
| **❖ Yêu cầu hình thức:**  - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.  - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  **❖ Yêu cầu nội dung:**  **• Giới thiệu tác giả, tác phẩm**  - Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình.  - *Tây Tiến* là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập Mây đầu ô (1986).  **• Phân tích đoạn thơ**  ***a/ Ngoại hình (bi thương):*** được khắc hoạ bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:  *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*  *Quân xanh màu lá dữ oai hùm*  - Không mọc tóc, quân xanh màu lá đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.  - Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn…, chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng “quân xanh màu lá dữ oai hùm”.  ***b/ Ẩn sau ngoại hình ấy là sức mạnh nội tâm (hào hùng):***  - *Đoàn binh* gợi lên sự mạnh mẽ lạ thường của *"Quân đi điệp điệp trùng trùng*" (Tố Hữu), của "*tam quân tì hổ khí thôn ngưu*" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).  - Dữ oai hùm là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm.  - Mắt trừng là chi tiết cực tả sự giận dữ, phẫn nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu.  → Thủ pháp đối lập được sử dụng đắc địa trong việc khắc hoạ sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội, ngang tàng.  ***c/ Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):***  *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*  *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*  - Những người lính Tây Tiến không phải là những người khổng lồ không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.  ***d/ Lí tưởng, khát vọng:***  *Rải rác biên cương mồ viễn xứ*  *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*  - Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức ảm đạm:  + Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nấm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi vẻ hiu hắt, quạnh quẽ thật ảm đạm và thê lương.  + Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt biên cương, viễn xứ mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nấm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính  - Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”  + Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đá.  ***d/ Đoạn thơ khép lại bằng sự hi sinh của họ:***  *Áo bào thay chiếu anh về đất*  *Sông Mã gầm lên khúc độc hành*  - Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã gục lên súng mũ bỏ quên đời. Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những nấm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”… Và bây giờ, một lần nữa tác giả nhắc đến sự ra đi của họ “Áo bào thay chiếu anh về đất”. Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh…  - Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:  + Áo bào (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng:  *Áo chàng đỏ tựa ráng pha*  *Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in*  + Về đất là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tựu nghĩa của những người anh hùng, thanh thản và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thản chết như cày xong thửa ruộng…)  + Sông Mã gầm lên khúc độc hành vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi luỵ mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi vĩnh hằng.  ***e/ Bút pháp lãng mạn và màu sắc bi tráng:***  - Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc.  - Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những nấm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lí tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của áo bào thay chiếu, của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người  • Tổng kết |

**Đề 3**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

*Những dấu chân lùi lại phía sau   
Dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất   
Mười tám hai mươi sắc như cỏ   
Dày như cỏ   
Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ   
Cơn gió lạ một chiều không rõ rệt   
Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất   
Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên   
Hơn một điều bất chợt   
Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình   
Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc  
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*

(Trích: Trường ca ***Những người đi tới biển*** – Thanh Thảo)

**Câu 1.** Tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ được tác giả thể hiện qua những tính từ nào? *(0,5 điểm)*

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ “*Mười tám hai mươi sắc như cỏ/ Dày như cỏ/ Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ”. (0,75 điểm)*

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “*Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất/Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”?* *(0,75 điểm)*

**Câu 4.** Điều anh/chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên là gì? *(1,0 điểm)*

**II. LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

**Câu 1.** *(2,0 điểm)*

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về 2 câu thơ được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu:

“*Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc   
 Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”*

**Câu 2.** *(5,0 điểm)*  
 *Tuỳ bút Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc, nơi ông đã khám phá ra chất vàng của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những người lao động.*

Anh/chị hãy làm rõ “*thứ vàng mười đã qua thử lửa*” ở nhân vật người lái đò trong tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân.

--------------Hết-----------------

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | ***3.0*** |
| **I** | **1** | Những tính từ thể hiện về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ: *trẻ (nhất), sắc, dày, yếu mềm, mãnh liệt*. (Thí sinh cần chỉ ra ít nhất 02 từ ngữ trong các từ ngữ trên) | **0,5** |
| **2** | - Biện pháp tu từ so sánh.  - Tác dụng:  + Giúp người đọc dễ hình dung những đặc điểm nổi bật của tuổi 20: kiên cường, mạnh mẽ, đoàn kết, lãng mạn, nhiệt huyết,…  + Tình cảm yêu mến của tác giả với những năm tháng đẹp đẽ nhất của cuộc đời. | **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **3** | Nội dung câu thơ: “*Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất / Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”* có thể hiểu:  *- Hoa:* vẻ đẹp của sức mạnh, ý chí, tinh thần, tâm hồn của tuổi trẻ.  - *Mùa xuân:* thắng lợi, thành quả.  *=> Ý nghĩa*: Tuổi trẻ với tất cả những gì đẹp đẽ đang có **nhất định sẽ giành thắng lợi** trong cuộc chiến này – đó là lời động viên, là niềm tin tưởng của tác giả với tuổi trẻ. | **0,25**  **0,5** |
| **4** | HS trình bày suy nghĩ cá nhân, nêu rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa với em nhất.  Có thể lựa chọn thông điệp về lí tưởng sống hoặc một đặc điểm nào đó của tuổi trẻ: kiên cường, mạnh mẽ, đoàn kết, lãng mạn, nhiệt huyết,… | **1,0** |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | ***7,0*** |
| **1** | **Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về 2 câu thơ được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu:**  ***“Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc***  ***Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”*** | ***2,0*** |
| **a. Đảm bảo đúng yêu cầu của một đoạn văn**, khoảng 200 chữ. Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. | **0,25** |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**:  “Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc  Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”  🡪 Tuổi trẻ là những năm tháng đẹp đẽ nhất của cuộc đời. Nhưng ai cũng ích kỉ, thiếu trách nhiệm thì đất nước sẽ rơi vào tay kẻ thù. |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận**: vận dụng các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động. |
| **\* Giải thích:**  *- Những tuổi hai mươi*: cách nói về tuổi trẻ nói chung, là khoảng thời gian thanh xuân quý giá (không phải nói về năm 20 tuổi một cách cụ thể). Đó là quãng thời gian đẹp đẽ nhưng ngắn ngủi, chỉ có một lần trong cuộc đời con người. Đó là lứa tuổi có sức khỏe, nhiệt huyết, ước mơ, khát vọng…có đầy đủ điều kiện để biến ước mơ thành hiện thực. Đó là quãng thời gian ai cũng cần phải trân trọng 🡪 *Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc.*  - *ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?:* Nếuai cũng ích kỉ, hẹp hòi, chăm lo cuộc sống của riêng mình, không có trách nhiệm với Tổ quốc thì Tố quốc không thể tồn tại.  🡪 Nội dung câu thơ: Nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mỗi công dân (đặc biệt là thế hệ trẻ) trong cuộc kháng chiến chống Mĩ: tự nguyện dấn thân chiến đấu, sẵn sàng hi sinh tuổi trẻ của mình để bảo vệ non sông đất nước. | **0,25** |
| **\* Bàn luận:**  Thí sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân những cần hợp lí, thuyết phục, dưới đây là một hướng giải quyết:  *-*  Mối quan hệ giữa cá nhân với Tổ quốc: mối quan hệ gắn bó không thể tách rời (khi Tổ quốc lâm nguy, cuộc sống của cá nhân cũng bị ảnh hưởng). Như vậy, mỗi cá nhân (với tư cách công dân của đất nước) đều phải có trách nhiệm với Tổ quốc (đặc biệt là thế hệ trẻ).  - Để bảo vệ và dựng xây Tổ quốc, mỗi cá nhân phải sống vượt lên thói ích kỉ thông thường, phải có sự chung tay, cống hiến, hi sinh.  - Tuổi trẻ của mỗi người là thời điểm có khả năng cống hiến lớn nhất.  🡪 Do đó, mỗi cá nhân phải biết cống hiến “tuổi hai mươi” đẹp đẽ của mình cho Tổ quốc, quê hương.  - Phê phán những hành động vị kỉ của một bộ phận giới trẻ hiện nay. | **0,75** |
| **\* Mở rộng:**  - Mỗi cá nhân tùy vào từng điều kiện và hoàn cảnh cụ thể để có sự cống hiến tốt nhất cho Tổ quốc.  - Không chỉ trong thời điểm Tổ quốc có chiến tranh, ngay cả thời bình, thế hệ trẻ cũng cần ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình. | **0.25** |
| **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Nhận thức được vai trò, sứ mệnh của tuổi trẻ đối với Tổ quốc dù ở thời chiến hay thời bình.  - Có những hành động cụ thể, thiết thực thể hiện tình yêu đối với Tổ quốc. | **0,25** |
| **d. Sáng tạo, chính tả, dùng từ, đặt câu:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0,25** |
|  | **2** | **Phân tích hình tượng ông lái đò để làm rõ “thứ vàng mười đã qua thử lửa” trong ý kiến: *Tuỳ bút Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc, nơi ông đã khám phá ra chất vàng của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những người lao động.*** | ***5,0*** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:** Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý, đoạn văn, kết bài kết luận được vấn đề. | **0,25** |
| **b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:** Vẻ đẹp của hình tượng ông lái đò sông Đà trong cuộc sống lao động mới. | **0,5** |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận** thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. |  |
| \* **Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm:**  - Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tài hoa, uyên bác bậc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. Ông có phong cách nghệ thuật rất độc đáo. Nguyễn Tuân có sở trường về thể loại tùy bút.  - Tùy bút “Người lái đò sông Đà” là một trong những tác phẩm đặc sắc kết tinh được phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, được in trong tập “Sông Đà” (1960). Tác phẩm này là kết quả chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Nguyễn Tuân để tìm kiếm “thứ vàng mười của thiên nhiên và thứ vàng mười của con người lao động đã qua thử lửa”. Ở tùy bút này, *thứ vàng mười của con người lao động đã qua thử lửa* mà Nguyễn Tuân tìm thấy được thể hiện tập trung ở hình tượng ông lái đò sông Đà trong cuộc sống lao động mới. | **0,5** |
| **\* Nêu nội dung ý kiến**  - *Thứ vàng mười đã qua thử lửa* – từ dùng của Nguyễn Tuân – để chỉ vẻ đẹp tài năng, phẩm chất, tâm hồn của những con người lao động trên vùng sông núi Tây Bắc hùng vĩ và thơ mộng.  - Ý kiến khẳng định thành công của Nguyễn Tuân trong việc khám phá và xây dựng vẻ đẹp hình tượng ông lái đò trong cuộc sống lao động bình dị. | **0,25** |
| **\* Phân tích hình tượng nhân vật:**  - Những nét khái quát: lai lịch, ngoại hình (không tên, ngoại hình in đậm dấu ấn công việc)  🡪 Ông lái đò được xây như một đại diện, một biểu tượng của nhân dân Tây Bắc. Đó là một người lao động rất đỗi bình thường hoạt động trong một môi trường lao động khắc nghiệt, dữ dội.  - “thứ vàng mười đã qua thử lửa” của hình tượng:  Lưu ý: học sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau: có thể kết hợp phân tích các vẻ đẹp của hình tượng, có thể kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật. Song cần đảm bảo những ý sau:  + Sự từng trải, có nhiều kinh nghiệm trong nghề (ông làm nghề đò đã mười năm liền, trên sông Đà, ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay ông giữ lái độ sáu chục lần…)  + Trí dũng và tài hoa (phân tích cuộc chiến của ông lái đò với sông Đà qua 3 trùng vi thạch trận). Nhà văn trân trọng gọi là *tay lái ra hoa* (sự điêu luyện trong nghề khi vượt qua 3 thạch trận); trí nhớ siêu phàm, nắm chắc các quy luật tất yếu của sông Đà và vì làm chủ được nó nên có cốt cách tự do và phong thái nghệ sĩ trong công việc; có sự ung dung, khiêm tốn, bình dị sau cuộc chiến đấu với sông Đà).  - Nhận xét chung: Ông lái đò mang những phẩm chất cao đẹp của con người lao động thời kì mới: gắn bó, am hiểu sâu sắc về nghề, trí dũng và tài hoa trong công việc, thực hiện công việc một cách tài năng và điêu luyện. Đó là hình ảnh của những con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời.  - Đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Tuân: đặt nhân vật vào tình huống đầy cam go, thử thách để nhân vật bộc lộ tài năng phẩm chất; phối hợp những thủ pháp tiêu biểu của các ngành nghệ thuật khác để miêu tả và kể chuyện, ngôn ngữ miêu tả tài hoa… | ***3,0*** |
| **0,5**  **0,5**  **1,25**  **0,25**  **0.5** |
| **\* Bình luận ý kiến:**  - Đánh giá: ý kiến xác đáng vì đã chỉ ra được nét đặc sắc và đóng góp của Nguyễn Tuân trong việc xây dựng hình tượng con người tiêu biểu cho cuộc sống lao động mới.  - Ý kiến đã cho ta thấy được sự thay đổi trong tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Tuân khi ông hướng ngòi bút khai thác vẻ đẹp con người trong cuộc sống hiện tại chứ không phải của thời quá khứ (như giai đoạn sáng tác trước Cách mạng tháng 8.1945) | **0,5** |
| **d. Sáng tạo:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận | **0,25** |
| **e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0,25** |
|  | | **ĐIỂM TOÀN BÀI: I + II = 10, 00 điểm** | |

**Đề 11**

**I. ĐỌC HIỂU *(3.0 điểm)***

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Con tàu Titanic chìm vào đáy đại dương để lại sau lưng nó cả một di sản to lớn và những bài học đáng quý.*

*Đó là bài học về sự tự mãn khi con người bồng bột nghĩ rằng có thể chiến thắng tự nhiên và tuyên bố Titanic “không bao giờ chìm”. Trên thực tế con tàu đã bị chìm một cách không ngờ nhất từ trước tới nay, là con tàu duy nhất đâm vào núi băng trôi và đắm chìm dưới biển.*

*Khi phát hiện con tàu đang bị đắm, người ta đã vội vã thả phao cứu sinh xuống biển. Trong tình cảnh hỗn loạn chỉ một câu nói “Để phụ nữ và trẻ em lên trước” cũng đã thể hiện một cách ứng xử vượt lên trên những bài học về tiền bạc và sự tự mãn, vượt lên trên tất cả những nỗi đau.*

*Khi hiệu lệnh đã vang lên, nhiều người đã rời xa thuyền cứu hộ, đứng lặng lẽ, chậm rãi dựa lên tay vịn. Họ bắt đầu châm điếu thuốc và hút. Nhiều hành khách đã lặng đi, không muốn chứng kiến sự chia ly của các gia đình. Dù là người nổi tiếng hay kẻ vô danh, những hành khách dũng cảm đã để lại cho nhân loại một di sản to lớn.*

*John Jacob Astor IV, là một nhà kinh doanh, nhà phát minh, nhà văn nổi tiếng, một trong những người giàu nhất thế giới lúc bấy giờ. Ông đã đưa người vợ mang thai năm tháng của mình lên thuyền cứu hộ, rồi lịch sự nhường chỗ của mình bằng cách dịu dàng nói với hai người phụ nữ đứng cạnh: “Các quý cô, mời lên thuyền”. Doanh nhân nổi tiếng Isidor Straus cùng vợ mình đã ở lại trên tàu. Ông nói: “Tôi sẽ không lên thuyền khi những người đàn ông khác còn ở lại”. Còn vợ ông, quý bà Ida thì khẳng định: “Tôi sẽ không rời khỏi chồng mình. Chúng tôi đã chết như chúng tôi đã sống cùng nhau”. Họ đã nắm tay nhau cho đến phút cuối cùng.*

*Một nhân chứng người Thụy Sĩ kể lại việc cô bồng hai đứa con lên thuyền cứu hộ, nhưng không còn đủ chỗ cho bản thân. Một người phụ nữ đã đứng lên nhường chỗ cho cô và nói: “Ngồi đi, những đứa trẻ không thể thiếu mẹ!”. Cô hối tiếc vì đã không hỏi tên ân nhân khi phần đuôi con tàu bắt đầu chìm xuống nước. Vào thời khắc con tàu bắt đầu chìm, người ta đã không thấy tiếng gào thét nữa, thay vào đó là những lời yêu thương, những lời chúc phúc và nghĩa cử cao đẹp của con người với con người.*

*“Để phụ nữ và trẻ em lên trước!” – đó là lệnh của thuyền trưởng. Nhưng tại sao mọi người lại phải tuân theo? Không có bất cứ điều lệ nào bắt buộc người ta phải làm thế. Không ai có quyền yêu cầu người khác phải từ bỏ sinh mạng của mình. Thế nhưng nhiều người đã làm như thế, đã hi sinh mạng sống của mình cho những người không quen biết, đó là vì lòng hào hiệp và cả lương tri…*

(Trích *Những di sản đồ sộ sau vụ chìm tàu Titanic* – Phunutoday, 09/01/2016)

**Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.

**Câu 2.** Tìm câu văn lặp lại góp phần tạo ra mối liên kết thống nhất cho toàn bộ văn bản.

**Câu 3.** Hiệu lệnh của thuyền trưởng “Để phụ nữ và trẻ em lên trước” đồng nghĩa với việc yêu cầu một bộ phận hành khách phải từ bỏ sinh mạng của mình. Anh/chị có đồng tình với hiệu lệnh đó của thuyền trưởng không? Vì sao?

**Câu 4.** Những bài học nào mà anh/chị có thể nhận được từ nội dung của văn bản trên.

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1 *(2.0 điểm)*.** Những cách ứng xử của mọi người được kể lại trong đoạn trích phần Đọc hiểu gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về việc cần thiết phải chế ngự bản năng của con người trong cuộc sống? Hãy trình bày ý kiến của mình bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**Câu 2 *(5.0 điểm)*.** *Bài thơ “Sóng” (Xuân Quỳnh) đã thể hiện vẻ đẹp của một tình yêu vừa mới mẻ, hiện đại, vừa mang màu sắc truyền thống*.

Anh/chị hãy làm rõ điều đó qua đoạn thơ sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Dữ dội và dịu êm*  *Ồn ào và lặng lẽ*  *Sông không hiểu nổi mình*  *Sóng tìm ra tận bể*  *Ôi con sóng ngày xưa*  *Và ngày sau vẫn thế*  *Nỗi khát vọng tình yêu*  *Bồi hồi trong ngực trẻ* | *Trước muôn trùng sóng bể*  *Em nghĩ về anh, em*  *Em nghĩ về biển lớn*  *Từ nơi nào sóng lên?*  *Sóng bắt đầu từ gió*  *Gió bắt đầu từ đâu?*  *Em cũng không biết nữa*  *Khi nào ta yêu nhau* | *Con sóng dưới lòng sâu*  *Con sóng trên mặt nước*  *Ôi con sóng nhớ bờ*  *Ngày đêm không ngủ được*  *Lòng em nhớ đến anh*  *Cả trong mơ còn thức.*  *Dẫu xuôi về phương Bắc*  *Dẫu ngược về phương Nam*  *Nơi nào em cũng nghĩ*  *Hướng về anh - một phương.* |

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | ***3.0*** |
| **I** | **1** | Các phương thức biểu đạt: nghị luận, tự sự. | **0,5** |
| **2** | Câu văn liên kết nội dung bài: “Để phụ nữ và trẻ em lên trước”. | **0,5** |
| **3** | - Đồng ý/ Không đồng ý với ý kiến của thuyền trưởng.  - Một cách lí giải theo hướng đồng ý:  + Hiệu lệnh này là hiệu lệnh mang tính nhân văn khi dành sự sống cho những đối tượng yếu đuối, luôn cần được bảo vệ theo quan niệm thông thường trong một cộng đồng người văn minh.  + Hiệu lệnh này còn giúp tránh cho hành khách một cuộc chen lấn, xô đẩy, giành giật khiến cho cơ hội được sống vốn đã ít ỏi càng trở nên ít ỏi, mong manh hơn.  + Hiệu lệnh tuy đúng, nhưng việc thực hiện nó lại tùy thuộc vào ý thức và trái tim của mỗi con người. Do vậy, hiệu lệnh còn như một phép thử nhân cách, để trong những tình huống ngặt nghèo nhất của số phận, con người vẫn thể hiện một cách sống rất “người”. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **4** | Bài học được rút ra:  - Bài học về sự tự mãn khi con người bồng bột nghĩ rằng có thể chiến thắng tự nhiên và tuyên bố Titanic “không bao giờ chìm”.  - Bài học về tình yêu, tình yêu có thể gắn kết con người với nhau.  - Bài học về cách cư xử có văn hóa, lịch thiệp, nhân ái, luôn ưu tiên trẻ em và phụ nữ.  - Bài học về tấm lòng yêu thương con người, về lòng hào hiệp và tấm lòng lương tri trong mỗi con người. | **1,0** |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | ***7,0*** |
| **1** | **Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về việc cần thiết phải chế ngự bản năng của con người trong cuộc sống.** | ***2,0*** |
| **a. Đảm bảo đúng yêu cầu của một đoạn văn**, khoảng 200 chữ. Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. | **0,25**  **0,25** |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**: việc cần thiết phải chế ngự bản năng của con người trong cuộc sống. |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận**: vận dụng các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động. |
| **\* Giải thích:**  - Bản năng là những phản ứng tự nhiên, bẩm sinh, không có ý thức của con người đối với thế giới khách quan. Những bản năng của con người bao gồm: bản năng tính dục, bản năng sinh tồn, bản năng tự tôn,…  - Chế ngự là kiềm chế, ngăn chặn, hạn chế những tác hại hoặc buộc đối tượng phải phục tùng theo.  => Chế ngự phần con, phần bản năng trong mỗi chúng ta là điều vô cùng quan trọng và cần thiết. | **0,25** |
| **\* Bàn luận:**  Thí sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân nhưng cần hợp lí, thuyết phục, dưới đây là một hướng giải quyết:  - Khái lược về những cách ứng xử của con người trong vụ chìm tàu Titanic được kể trong văn bản ở phần Đọc hiểu.  *- Vì sao phải chế ngự bản năng ?*  + Con người là tổng hòa của hai yếu tố “con” và “người”, “con” là phần bản năng, phần tự nhiên, bẩm sinh vốn có của mỗi người khi sinh ra; phần “người” là phần văn hóa, phần được bồi đắp bằng truyền thống, bằng những điều hay lẽ phải, bằng những tiến bộ văn minh mà lịch sử loải người từng bước đạt được.  🡪 Con người ngày càng hướng tới một cuộc sống có văn hóa, bởi vậy phần con, phần bản năng càng cần thiết phải chế ngự hơn.  + Chế ngự bản năng sẽ giúp con người cư xử có văn hóa, biết quan tâm tới mọi người, sẵn sàng hi sinh lợi ích của bản thân khi cần thiết, là cách giúp con người hướng thiện, hướng đến vẻ đẹp chân – thiện – mĩ.  + Chế ngự bản năng còn giúp chúng ta sống thư thái, thanh thản với chính mình.  - Bên cạnh đó vẫn còn những người chưa chế ngự được bản năng của mình, gây những hành vi, lời nói thiếu tế nhị, sai trái, làm tổn thương tới những người xung quanh. | **0,75** |
| **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Bản thân cần mỗi ngày rèn luyện và nâng cao bản lĩnh sống, nhất là cách xử lí tình huống một cách nhân văn nhân ái.  - Cử xử đúng mực, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa của dân tộc, cộng đồng. | **0,25** |
| **d. Sáng tạo, chính tả, dùng từ, đặt câu:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0,25** |
|  | **2** | Phân tích khổ 1 đến khổ 6 của bài thơ *Sóng* (Xuân Quỳnh) để làm sáng tỏ nhận định: *Bài thơ “Sóng” đã thể hiện vẻ đẹp của một tình yêu vừa mới mẻ, hiện đại, vừa mang màu sắc truyền thống*. | ***5,0*** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:** Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý, đoạn văn, kết bài kết luận được vấn đề. | **0,25** |
| **b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:** Vẻ đẹp của một tình yêu vừa mới mẻ, hiện đại, vừa mang màu sắc truyền thống trong 6 khổ thơ đầu của bài thơ *Sóng*. | **0,5** |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận** thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. |  |
| \* **Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm:**  - Xuân Quỳnh là gương mặt nổi bật của nền thơ Việt Nam hiện đại, thuộc lớp nhà thơ đầu, tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.  - *Sóng* (1967) là bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. *Bài thơ đã thể hiện vẻ đẹp của một tình yêu vừa mới mẻ, hiện đại, vừa mang màu sắc truyền thống*. Đoạn thơ đã cho thể hiện rõ nét nhận định trên. | **0,5** |
| **\* Giải thích ý kiến**  - *Tình yêu mới mẻ, hiện đại* là quan niệm về tình yêu ngày nay, quan niệm của những người có đời sống văn hóa, tinh thần không bị ràng buộc bởi ý thức hệ tư tưởng phong kiến. Tình yêu mới mẻ, hiện đại thể hiện ở: sự chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt, những khát vọng mạnh mẽ, táo bạo; sự thể hiện những rung động rạo rực, cảm xúc trong lòng một cách thành thực (không ước lệ, tượng trưng,...), bày tỏ niềm tin vào sức mạnh của tình yêu,...  - *Tình yêu truyền thống* là quan niệm về tình yêu có từ xa xưa, được bảo tồn trong đời sống hiện đại. Trong tình yêu, nó được thể hiện ở những nét đẹp truyền thống: đằm thắm, dịu dàng, thủy chung,… | **0,25** |
| **\* Phân tích đoạn thơ để làm sáng tỏ ý kiến:**  - ***Vẻ đẹp của tình yêu mới mẻ, hiện đại:***  + Đó là một tình yêu với nhiều cung bậc phong phú, đa dạng và những trạng thái đối cực: *dữ dội, ồn ào, dịu êm, lặng lẽ*.  + Đó là sự chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt và bày tỏ khát vọng vươn xa, thoát khỏi những gì nhỏ hẹp, tầm thường: “Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể”. Người phụ nữ không còn thụ động, chờ đợi tình yêu mà chủ động, khao khát kiếm tìm một tình yêu mãnh liệt, tình yêu mà ở đó mình được thấu hiểu, được đồng cảm.  + Khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của nhịp đập tình yêu trong trái tim tuổi trẻ: “Ôi con sóng ngày xưa/ Và ngày sau vẫn thế/ Nỗi khát vọng tình yêu/ Bồi hồi trong ngực trẻ.”  + Khao khát lí giải đến tận cùng cội nguồn của tình yêu.  + Tình yêu gắn liền với sự bộc lộ một cách tha thiết nỗi nhớ:  ⬩ Đó là nỗi nhớ da diết, cháy bỏng, cồn cào. Nỗi nhớ ấy bao trùm mọi không gian : “Dẫu xuôi về phương Bắc/ Dẫu ngược về phương Nam”.  ⬩ Nỗi nhớ mãnh liệt, khắc khoải, triền miên, giày vò thao thức theo thời gian từ ngày sang đêm, mọi lúc mọi nơi như những con sóng triền miên, dào dạt, không bao giờ ngưng lặng. Nỗi nhớ ấy tồn tại trong ý thức và cả tiềm thức: “Ôi con sóng nhớ bờ/ Ngày đêm không ngủ được/ Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức”.  ***- Vẻ đẹp của tình yêu mang màu sắc truyền thống:***  + Tình yêu gắn với sự thủy chung:  ⬩ Dẫu có vất vả, nhọc nhằn, dẫu phải xuôi ngược mọi không gian; dù xa xôi cách trở nhưng “Em” chỉ hướng về “phương anh”.  ⬩ Bộc lộ khát vọng về một tình yêu sắt son, không thay lòng đổi dạ dù bất cứ điều gì xảy ra. Đó là nét đẹp tình yêu giàu tính truyền thống trong thơ Xuân Quỳnh.  + Cách giãi bày tâm tình và giọng điệu thơ thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn dịu dàng, đằm thắm: “Em nghĩ về anh, em. Em nghĩ về biển lớn”; “Em cũng không biết nữa”; “Lòng em nhớ đến anh. Cả trong mơ còn thức”,.. | ***3,0*** |
| **2,0**  **1,0** |
| **\* Bình luận ý kiến:**  - Đánh giá: ý kiến xác đáng vì đã chỉ ra được nét đặc sắc của tình yêu trong bài thơ *Sóng*.  - Ý kiến đã cho ta thấy được quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh. | **0,5** |
| **d. Sáng tạo:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận. | **0,25** |
| **e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0,25** |
|  | | **ĐIỂM TOÀN BÀI: I + II = 10, 00 điểm** | |